

慧 啟 文 集



HUỆ KHẢI

ĐÔI ĐIỀU VỀ  
BÌNH GIẢNG  
THÁNH GIÁO

HUỆ KHẢI

ĐÔI ĐIỀU VỀ BÌNH GIẢNG THÁNH GIÁO

NXB TÔN GIÁO

Sách ấn tống. Không bán.



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO



- THÁNH THẮT TỪ VÂN** (Phú Nhuận), ngày 05-3-2016:
- a. Giáo Sư Thượng Văn Thanh (Chương Quản Cơ Quan Phủ Tế Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài) cùng với Đoàn Phủ Tế Lưu Động.
  - b. Giáo Hữu Thượng Khóa Thanh (Trưởng Đoàn) tổng kết đạo sự ba tháng cuối năm Ất Mùi của Đoàn Phủ Tế Lưu Động.
  - c. Hiền huynh Nguyễn Công Khánh (Phó Đoàn 2) khai mạc buổi trao đổi về kinh nghiệm bình giảng thánh giáo.
  - d. Hiền hữu Huệ Khải trình bày đôi điều về bình giảng thánh giáo. Hiền muội Diệu Nguyên chia sẻ ý kiến trong phần thảo luận.

*Ảnh: Nguyễn Thế Tuấn  
Trưởng Ban Phủ Tế, thánh thất Trung Hải (Đà Nẵng)*



ĐÔI ĐIỀU VỀ  
BÌNH GIẢNG THÁNH GIÁO



Ấn tống lần thứ nhất ba ngàn quyển do

Quý đạo hữu, đạo tâm trong  
Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo  
công quả **20 triệu đồng** (xem phương danh ở trang 4-5).

Kính thành hồi hướng cứu huyền thất tổ.  
Đồng hiệp tâm cầu nguyện quốc thái dân an,  
đạo pháp trường lưu, chánh giáo hồng dương,  
Đại Đạo Cao Đài quy nguyên thống nhất,  
vạn linh thức tỉnh hồi đầu, đồng đăng bỉ ngạn.

ĐÔI LỜI THA THIẾT

Quý vị vui lòng **KHÔNG photocopy, KHÔNG mua bán** bất kỳ  
kinh sách nào do *Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách  
Đại Đạo* thực hiện. Trân trọng kính mời Quý vị liên hệ với các  
điểm phát hành của chúng tôi tại các tỉnh, thành, quận, huyện để  
thỉnh các ấn phẩm chánh thức (kính biểu).

Kinh sách được ấn tống để kính biểu rộng rãi là nhờ có biết  
bao tấm lòng vàng của hàng hàng lớp lớp đạo tâm gần xa gởi  
gắm. Để không phụ lòng các bậc Mạnh Thường Quân ấy, xin  
Quý vị trân trọng giữ gìn kinh sách để truyền trao cho đúng  
người thật tâm tìm tu, học đạo. Chúng tôi chân thành biết ơn sự  
thấu hiểu, đồng cảm, và hợp tác chặt chẽ của Quý vị.

BAN ẤN TỐNG

Quyển **100.1** trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo  
Kính mừng Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài tròn một hoa giáp (1956-2016)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ  
Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo

HUỆ KHẢI

(Dũ Lan LÊ ANH DŨNG)

ĐÔI ĐIỀU VỀ  
BÌNH GIẢNG THÁNH GIÁO

*IN LẦN THỨ NHẤT*

Nhà xuất bản **TÔN GIÁO**

Hà Nội 2016

PHƯƠNG DANH  
QUÝ VỊ MẠNH THƯỜNG QUÂN

A. Gồm 14 phần công quả x 500.000 đồng /phần = **7 triệu đồng**

01. ĐH HUỖNH VĂN MẬT (78 tuổi, Tiền Giang; TT Khổ Hiền Trang, HT Cao Đài Tây Ninh). Gởi đọt 108.
02. ĐT LÊ THỊ SÁU (67 tuổi, Tiền Giang; TT Khổ Hiền Trang, HT Cao Đài Tây Ninh). Gởi đọt 108.
03. ĐH LÊ TRỌNG TÍN (TT Trung Nam, HT Truyền Giáo Cao Đài). Gởi đọt 107.
04. ĐT NGỌC LINH (thánh tịnh Tân Minh Quang). Gởi đọt 108.
05. ĐT NGỌC TRÂM (thánh tịnh Tân Minh Quang). Gởi đọt 108.
06. ĐT NGUYỄN THỊ A (thánh tịnh Trước Mai, HT Cao Đài Tiên Thiên). Gởi đọt 105.
07. ĐT NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT (Long Đại, Long Vĩnh, Châu Thành, Tây Ninh; HT Cao Đài Tây Ninh). Gởi đọt 104.
08. ĐT NGUYỄN THỊ THANH THỦY (TT Thủ Thừa, HT Cao Đài Tây Ninh): Gởi đọt 103.
09. ĐT NGUYỄN THỊ THANH VÂN (TT Thủ Thừa, HT Cao Đài Tây Ninh): Gởi đọt 103.
10. ĐH NGUYỄN VŨ PHƯƠNG (TT Thủ Thừa, HT Cao Đài Tây Ninh). Gởi đọt 103.
11. ĐH NGUYỄN VŨ TÀI (TT Thủ Thừa, HT Cao Đài Tây Ninh). Gởi đọt 103.
12. Chơn linh Lễ Sanh NGUYỄN XÉT (xã đạo La Ngà, HT Truyền Giáo Cao Đài). Gởi đọt 103.
13. ĐT PHAN THỊ Ế (TT An Thạnh, HT Cao Đài Ban Chính Đạo). Gởi đọt 108.
14. ĐT TRẦN THỊ THU VÂN (TT Trung Đông, HT Truyền Giáo Cao Đài). Hồi hướng cứu huyền thất tổ. Gởi đọt 106.

**B. Gồm 13 phần công quả x 1 triệu đồng / phần = 13.000.000 đồng**

01. ĐT DƯ BẢO HÒA (TT Trảng Bàng, HT Cao Đài Tây Ninh). Gởi đợt 105.
02. ĐT ĐẶNG THỊ BẠCH TUYẾT (Phó Cơ Điều, P6, Q11, TpHCM). Hồi hướng giác linh thân mẫu (Huỳnh Kim Nhung, 88 tuổi, TT Long Phú, HT Cao Đài Ban Chính Đạo). Gởi đợt 107, 108.
03. Chơn linh Đạo trưởng HUỆ CHIẾU QUANG (thánh tịnh Tân Minh Quang, Q12, TpHCM). Gởi đợt 108.
04. Gia đình ĐT LÊ KIM PHƯỢNG (HT Cao Đài Ban Chính Đạo, Huỳnh Thị Phụng, P4, Q8, TpHCM). Gởi đợt 109.
05. ĐT LÊ THỊ PHƯƠNG QUYÊN (TT Mỹ Lộc, HT Cao Đài Ban Chính Đạo). Hồi hướng Lễ Sanh Hương Trừu. Gởi đợt 105.
06. ĐT NGUYỄN THỊ PHỤNG. Gởi đợt 105.
07. ĐT NGUYỄN THỊ THU LAN. Hồi hướng ĐT Nguyễn Kim Dung (sinh năm 1938). Gởi đợt 102.
08. ĐT NGUYỄN THỊ THU VÂN. Gởi đợt 101.
09. Cháu PHẠM NHỰT TRƯỜNG (TT Nhựt Chánh, HT Cao Đài Ban Chính Đạo). Gởi đợt 108.
10. Cháu PHẠM QUẾ TRÂM (TT Nhựt Chánh). Gởi đợt 108.
11. Thánh thất TÂN ĐỊNH (HT Cao Đài Cầu Kho - Tam Quan). Gởi đợt 102.
12. ĐT TRẦN THỊ THỚI (TT Nhựt Chánh) và ĐT NGUYỄN THỊ MINH GIANG (TT Nhựt Chánh). Hồi hướng ĐH Phạm Văn Ky (Phó Hội Trưởng TT Phước Đông, Cầu Đức, Long An; HT Cao Đài Ban Chính Đạo). Gởi đợt 108.
13. Anh Lớn Bảo Y Quân TRƯỜNG VĂN TÁM (HT Cao Đài Tiên Thiên). Gởi đợt 101.

**Tổng cộng: Hai mươi triệu đồng**

## MỤC LỤC

<i>Giao cảm</i>	7
Phổ thông giáo lý: Một khoảng trống	11
Ôn Trên dạy về phổ thông giáo lý	13
Phổ Tế Lưu Động: Một biện pháp thiết thực	15
Bình giảng thánh giáo: Kết cấu một bài giảng	21
Bình giảng thánh giáo: Một số điều cần lưu ý	31
Tài liệu học tập thánh giáo	57
Cẩm nang Phổ Tế Lưu Động	58
Nhịp cầu tâm giao & Thiên nhân hiệp nhất	59
<i>Phụ lục</i>	63
Geya: Dấu ấn của đạo Phật trong thánh giáo Cao Đài	64
Vài biện pháp tu từ trong thánh giáo Cao Đài	73
Đôi nét giới thiệu Đoàn Phổ Tế Lưu Động	88

Huệ Khải (Lê Anh Dũng) giữ bản quyền.  
© All rights reserved.

## GIAO CẨM

Đầu xuân năm Bính Thân, quý hiền huynh điều hành Đoàn Phổ Tế Lưu Động trực thuộc Cơ Quan Phổ Tế của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài có nhã ý mời tôi đến thánh thất Từ Vân (số 100 Thích Quảng Đức, Phú Nhuận) để trò chuyện với quý huynh tử thành viên của Đoàn vào ngày 05-3-2016, tức là vừa tròn một năm kể từ khi kế hoạch thành lập Đoàn của Cơ Quan Phổ Tế được Hội Thánh chấp thuận ngày 03-3-2015.

Đoàn Phổ Tế Lưu Động ra đời với mục đích chủ yếu là yểm trợ cho sinh hoạt phổ tế tại hơn bảy mươi họ đạo và cơ sở đạo ở các tỉnh thành từ Thanh Hóa trở vào. Hiện nay, Đoàn có ba mươi thành viên và một ban điều hành gồm ba vị:

*Trưởng Đoàn:* Giáo Hữu Thượng Khóa Thanh

*Phó Đoàn 1:* Hiền huynh Nguyễn Huệ Quang

*Phó Đoàn 2:* Hiền huynh Nguyễn Công Khánh

Hàng ngày bốn lượt quỳ trước Thiên Bàn, người tín hữu Cao Đài khẩn: *Nam mô nhất nguyện Đại Đạo hồng khai / Nhì nguyện phổ độ chúng sanh...* Đây chính là hai đại nguyện của những ai đang tu tập theo hạnh Bồ Tát. Công việc của Đoàn Phổ Tế Lưu Động chính là góp phần tích

cực và có ý thức vào nỗ lực làm cho hai đại nguyện của Bồ Tát trở thành sống động và mang lại kết quả cụ thể chứ không phải chỉ là lời nói suông trên đầu môi chót lưỡi.

Bởi nhận thức rõ như vậy, và trong tình cảm bấy lâu vẫn luôn kính mộ Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, hiền muội Diệu Nguyên và tôi đã hoan hỷ tham dự đủ cả hai buổi sáng, chiều ngày 05-3-2016 ở thánh thất Từ Vân, để cùng sinh hoạt chung với Đoàn Phổ Tế Lưu Động, sau khi Đoàn đã trải qua ba tháng hành đạo vào cuối năm Ất Mùi (2015), đã “cọ xát” với thực tiễn phổ tế ở ba họ đạo.

Trong buổi họp sáng hôm ấy, qua phản ánh của các thành viên, ban điều hành Đoàn Phổ Tế Lưu Động ghi nhận rằng phần đông các thành viên còn nhiều lúng túng và khó khăn trong bước đầu tiên hành, triển khai phận sự phổ tế lưu động; trong đó, nổi ưu tư nhất của quý huynh tử đảm trách là thiếu tài liệu hướng dẫn kỹ năng phổ tế (như soạn bài, thuyết trình, bình giảng thánh giáo, v.v...).

Những ưu tư ấy của quý huynh tử cũng là nỗi bận lòng của Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo. Thật vậy, trong khoảng tám năm nay, Chương Trình đã ấn tống một số sách kết tập các bài thuyết minh giáo lý, bình giảng thánh giáo để đồng đạo tham khảo. Ngoài ra, về mặt kỹ năng phổ tế hay phổ thông giáo lý, Chương Trình đã ấn tống hai tập: *NGHỆ THUẬT THUYẾT TRÌNH GIẢNG ĐẠO* (của Đơn Tâm, Nxb Tôn Giáo 2010); *NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI LÀM QUEN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU* (của Huệ Khải, Nxb Tôn Giáo 2011).

Như một cách bổ sung cho các sách nói trên, đồng thời căn cứ vào nhu cầu cấp thiết của các thành viên Đoàn Phổ Tế Lưu Động, ban điều hành Đoàn đã dành phần lớn thời gian buổi sáng 05-3-2016 cho tôi có dịp chia sẻ đôi điều về việc bình giảng thánh giáo Cao Đài (để minh họa cho buổi nói chuyện, tôi trích các khổ thánh thi trong *THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG* của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài). Sau đó, các thành viên của Đoàn và hiền muội Diệu Nguyên đã cùng tôi thảo luận, trao đổi thêm ý kiến...

Từ kết quả của buổi sáng sinh hoạt rất bổ ích nói trên, tôi hình thành tập sách mỏng này: *ĐÔI ĐIỀU VỀ BÌNH GIẢNG THÁNH GIÁO*.

Tôi tự biết tập sách quý đạo hữu đang cầm trên tay hãy còn thiếu sót lắm. Tuy nhiên, vì nghĩ rằng rất cần sốt sắng hiệp tâm góp sức với Đoàn Phổ Tế Lưu Động, tôi không dám cầu toàn và tin tưởng quý đạo hữu sẵn lòng cảm thông và lượng thứ cho tôi.

Chúng con nguyện cầu Thầy Mẹ, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, và Chư Liệt Thánh Tông Đồ Hội Thánh Truyền Giáo soi dẫn, phù trì để Đoàn Phổ Tế Lưu Động làm tròn đặc nhiệm của Đoàn.

*Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.*

*Trọng Xuân Bính Thân, 15-3-2016*

Huệ Khải

## KÍNH CHÀO ĐOÀN PHỔ TẾ LƯU ĐỘNG HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

Xin chào bạn, những đoàn viên Phổ Tế  
Từ hôm nay lưu động khắp gần xa  
Bình thánh ngôn, giảng thánh giáo Đạo nhà  
Giúp tín chúng tỏ tường từng lý lẽ

Ngày sóc vọng sẽ vui thêm biết mấy  
Áo trắng về trắng thánh sở mỹ miều  
Cùng học hành lời các Đấng thương yêu  
Cho tỉnh thức tâm linh bừng trời dậy

Kho thánh giáo mấy mươi thu chờ đợi  
Nay có rồi Đoàn Phổ Tế nhiệt tình  
Dốc tuệ tài phô diễn để xương minh  
Nguồn chánh pháp vốn cao thâm vời vợi

Đầu năm mới, một đấng trình phần khởi  
Phổ Tế viên lưu động nói nhau đi  
Xin nguyện cầu Ôn Thánh Triết diệu kỳ  
Nâng đỡ gót dặm dài không biết mỏi  
Chào Phổ Tế, đường rộng bày muôn lối...

*Thánh thất Từ Vân (Phú Nhuận), 05-3-2016*

HUỆ KHẢI



# PHỔ THÔNG GIÁO LÝ: MỘT KHOẢNG TRỐNG

Tại thánh tịnh Kim Thành Long, ngày 18-02 Quý Sửu  
(22-3-1973), Đức Mẹ dạy:

*Tu phải học hiểu qua giáo lý  
Giáo lý là kim chỉ hướng nam  
Cho con nhập thánh siêu phàm  
Khỏi vòng luân chuyển con tầm nhộng tơ.  
Học cho hiểu bến bờ mê giác  
Học cho thông thiện ác đọa siêu  
Học nhiều con sẽ hiểu nhiều  
Hiểu hành càng kỹ càng siêu thoát về.*

Để giúp tín đồ học hiểu được giáo lý thì phải tổ chức thuyết giảng. Do đó, ngay khi đạo Cao Đài vừa ra đời (1926), trong Tân Luật (Đạo Pháp, Chương III, Điều Thứ Mười Chín) đã sớm có quy định như sau:

*Một tháng hai ngày sóc vọng, bốn đạo phải tựu lại  
thánh thất sở tại mà làm lễ và nghe dạy.*

Hơn bốn mươi năm sau khi có quy định dẫn trên, tại Thiên Lý Đàn ngày 20-9 Kỷ Dậu (30-10-1969), Đức Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Thái Bạch Kim Tinh dạy:

*Thử xem trong thời gian mấy mươi thu qua, mỗi thánh thất, tịnh thất đâu có đủ ban cai quản và ban trị sự, thử hỏi lại có nơi nào đủ khả năng, phương tiện hoặc thì giờ đem giáo lý truyền bá cho tín hữu nơi đó mỗi tháng hai kỳ chăng?*

Qua đầu thế kỷ 21, ở một địa phương tại một huyện thuộc tỉnh Bến Tre, đã xảy ra chuyện như sau:

Một thánh sở nọ (xin giấu tên) vốn không đông tín hữu, ban cai quản quả thật khó khăn trong việc duy trì một số ít đồng đạo cao tuổi thường xuyên đến cúng tứ thời. Ngoài việc cúng kính ra, trong nhiều năm dài thánh sở này hầu như không tổ chức được buổi học tập giáo lý nào.

Thế rồi có một nhóm tín đồ của tôn giáo khác lân la tìm đến và nhỏ to rủ rỉ với các tín hữu Cao Đài, đại khái: “*Tu với ông một mắt thì sao bằng tu với ông đủ hai mắt...*” Bởi vì không hiểu giáo lý, chẳng biết sử Đạo, mờ mịt về lý do và ý nghĩa thờ Thiên Nhãn, một vài tín hữu ở thánh sở nọ đã nghe lời mà đi sang tôn giáo khác!

Việc bỏ trống bục giảng giáo lý ở các thánh sở dĩ nhiên còn gây ra nhiều hậu quả khác; câu chuyện kể trên chỉ là một minh họa.

Tôn giáo Cao Đài đang tiến rất gần tới điểm mốc kỷ niệm một trăm năm khai đạo. Đến lúc ấy, nếu tình trạng thiếu vắng thuyết giảng giáo lý vẫn còn tiếp tục phổ biến khắp các thánh sở Cao Đài thì thử hỏi biết nói sao đây!

## ƠN TRÊN DẠY VỀ PHỔ THÔNG GIÁO LÝ

*Đuốc tuệ khêu rọi đàng tăm tối  
Trống truy hồn giục lối bốn phương  
Pháp môn chế luyện cho thường  
Phổ thông giáo lý phô trương lễ Trời.*

Đức THÁI BẠCH KIM TINH  
Thánh thất Trung An  
ngày 18-4 Ất Mùi (08-6-1955)

*Trung Hưng kiến tạo đại đồng  
Mở đường giáo lý Tây Đông hòa bình.*

Đức CỬU NƯƠNG ĐIỀU TRÌ CUNG  
Linh Tháp, ngày 08-4 Bính Thân (17-5-1956)

*Đạo pháp trao truyền độ chúng sanh  
Trung hưng giáo lý hiệp căn lành  
Mở đường giải khổ cho nhơn loại  
Đẩy bước nhau lên đón Đạo thành.*

Đức HÙNG ĐẠO ĐẠI VƯƠNG  
Trung Hưng Bửu Tòa  
ngày 19-4 Bính Thân (28-5-1956)

*Ngay bây giờ các con phải lên đường với bao sứ mệnh  
độ đời, gieo truyền thánh đức, làm sao cho nhân sinh cảm  
mến giáo lý của Thầy, làm sao cho người người cảm phục.*

Đức NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ  
Trung Hưng Bửu Tòa  
ngày 08-6 Bính Thân (15-7-1956)

*Từ bước tu chúng mình gặp Đạo  
Gặp bao phen khảo đảo kinh hoàng  
Hôm nay giáo lý mở mang  
Trên đường nhiệm vụ lo toan từ rày.*

Đức CHƠN GIÁC NƯƠNG NƯƠNG  
Trung Hưng Bửu Tòa  
ngày 23-01 Mậu Tuất (12-3-1958)

*Chị em thiếu nghiên cứu giáo lý, học hỏi kinh luật, nên  
trí thức không được rộng rãi. Phần đông chưa đứng vững  
chủ định của mình, hay bị hoàn cảnh sai sử.*

Đức BẢO THỌ THÁNH NƯƠNG  
Thánh tịnh Thanh Quang  
ngày 07-7 Mậu Tuất (21-8-1958)

## PHỔ TẾ LƯU ĐỘNG: MỘT BIỆN PHÁP THIẾT THỰC

Nhiệm vụ phổ thông giáo lý cho tín chúng ở từng họ đạo thuộc các Hội Thánh trên toàn quốc bị bỏ trống suốt cả mấy mươi năm đằng đằng bởi vì không đủ người có năng lực thuyết giảng. Đây là thực trạng chung của đạo Cao Đài. Muốn giải quyết thực trạng này, mỗi Hội Thánh cần thường xuyên tổ chức đào tạo một đội ngũ thuyết trình viên, giảng viên giáo lý chuyên nghiệp và đủ năng lực.

Riêng ở Trung Kỳ, khi thành lập một Hội Thánh mới (1956), Ôn Trên ban cho danh hiệu **Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài**. Bản thân hai chữ *Truyền Giáo* đã xác định **đặc nhiệm** của Hội Thánh này.

Để thực thi đúng đắn và tốt nhất đặc nhiệm ấy, tại Trung Hưng Bửu Tòa (Đà Nẵng), Ôn Trên nhiều lần hướng dẫn, chỉ dạy Hội Thánh. Chẳng hạn:

a. Ngày 26-01 Mậu Tuất (15-3-1958), Đức Chơn Khai Đạo Sĩ dạy:

*Mở trường đào tạo giáo sĩ dài hạn để tinh minh quyền pháp, tinh tường giáo lý, am hiểu cổ kim lịch sử tôn giáo, học thuyết.*

*Thăm nom an ủi, nhắc nhở đạo hữu, thuyết giảng giáo lý các ngày đàn lệ.*

b. Trước đó, ngày 22-01 Mậu Tuất (11-3-1958), Đức Liễu Tâm Chơn Nhơn Huỳnh Ngọc Trác dạy: “**Phổ Tế ngôn giáo...**”

c. Gần hai năm sau, ngày 28-11 Kỷ Hợi (27-12-1959), Đức Giáo Tông Vô Vi Lý Thái Bạch minh định: “**Phổ Tế giảng luận thuyết trình...**”

Như vậy, đặc nhiệm của Hội Thánh Truyền Giáo lại là “gánh nặng” của Cơ Quan Phổ Tế. Bởi lẽ đó, tại Trung Hưng Bửu Tòa vào ngày 24-01 Mậu Tuất (15-3-1958), Đức Chơn Khai Đạo Sĩ dạy:

*Cơ quan truyền đạo là một phần trọng yếu. Hội Thánh chia cắt cho **Phổ Tế nhiệm vụ nặng nề**.*

Trải qua sáu mươi năm (1956-2016), tròn trịa một hoa giáp, công cuộc truyền giáo của Phổ Tế đã có rất nhiều nỗ lực, nhưng đối với hàng hướng đạo trung kiên luôn ưu tư về tiền đồ Đại Đạo, đau đầu về đặc nhiệm của Hội Thánh, ắt không khỏi lẩm phen than thở rằng lực bất tòng tâm, mà nguyên nhân chủ yếu có lẽ không ra ngoài lời dạy của Đức Chơn Khai Đạo Sĩ (thánh giáo ngày 15-3-1958 đã dẫn):

*Lúc cơ đạo chinh nghiêm, bước đời loạn lạc, trong việc nội bộ chưa rồi, hàng ngũ còn rời rạc chông chênh...*

\*

Sinh trưởng ở miền Nam, thuở đôi mươi tôi chân ướt chân ráo bước vào đạo Cao Đài và sớm biết một số nét chủ yếu về Hội Thánh Truyền Giáo ở miền Trung qua những trang hồi ký hào hùng, sống động của tiền bối Thanh Long Lương Vĩnh Thuật (1918-1982).

Nhiều năm sau, thường có dịp gần gũi các vị hướng đạo của Hội Thánh Truyền Giáo, ngoài niềm kính mộ sẵn có, tôi còn đồng cảm với các vị về đặc nhiệm Phổ Tế, luôn cầu mong nguyện ước sao cho “gánh nặng” này theo thời gian càng chóng trở nên nhẹ đi, nhờ vào những biện pháp hiệu quả và thích hợp.

Bởi vậy, khi được biết Đoàn Phổ Tế Lưu Động được hình thành và bắt đầu hoạt động, lòng tôi thật vui. Tôi nhận thức rằng đây là một biện pháp thiết thực trong hoàn cảnh hiện nay để Cơ Quan Phổ Tế có thể mang giáo lý về tận các họ đạo, cơ sở đạo. Chánh pháp Cao Đài sẽ được xưng minh bằng phương cách này hay phương cách khác. Có lẽ hai cách quen thuộc là *thuyết minh giáo lý* và *bình giảng thánh giáo*.

### **1. Thuyết minh giáo lý**

Giảng viên chọn một chủ đề, lập dàn bài, đọc thánh kinh hiền truyện trong Cao Đài và tôn giáo bạn, trích dẫn những câu những đoạn phù hợp để minh họa hay làm tăng sức thuyết phục cho bài viết của mình...

Trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo, từ năm 2008 tới nay Ban Ấn Tổng đã kết tập

được nhiều bài thuyết minh giáo lý để xuất bản, tiện cho đồng đạo tham khảo. Chẳng hạn, sách của các tác giả:

#### a. Điều Nguyên:

- *An Thuận Quả Duyên;*
- *Hành Trang Người Đạo Cao Đài;*
- *Thiên Đàng Địa Ngục Hai Bên.*

#### b. Đơn Tâm:

- *Danh Thầy Danh Đạo;*
- *Nói Chuyện Cao Đài;*
- *Sứ Mạng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.*

#### c. Huệ Khai:

- *Con Đường Hạnh Phúc;*
- *Điểm Tựa Tâm Linh;*
- *Lòng Con Tin Đấng Cao Đài;*
- *Luật Nhân Quả Theo Giáo Lý Cao Đài;*
- *Tu Cứu Cứu Huyền Thất Tổ.*

#### d. Thanh Căn:

- *Ba Món Báu Của Người Đạo Cao Đài;*
- *Giọt Ngọc Kim Bàn;*
- *Tìm Hiểu Ngũ Chi Đại Đạo.*

Thuyết minh giáo lý đương nhiên không dễ. Đây là một trong nhiều lý do giải thích vì sao các họ đạo trong các Hội Thánh Cao Đài mấy mươi năm qua thường xuyên thiếu vắng giảng viên đến xưng minh giáo lý trong hai ngày sóc

vọng, hoặc trong những dịp đại lễ lạc thành, kỷ niệm... vốn thu hút đông đảo tín chúng. Điều này cũng có nghĩa là những cơ hội tốt để truyền giáo thường bị bỏ phí.

## 2. Bình giảng thánh giáo

Trong bước đầu thực thi trọng trách của Đoàn Phở Tế Lưu Động, với ít nhiều kinh nghiệm bản thân, tôi nghĩ rằng nên ưu tiên chọn cách bình giảng thánh giáo.

Trao đổi với một số thành viên của Đoàn Phở Tế Lưu Động, tôi được biết có tâm lý e ngại bốn chữ *bình giảng thánh giáo*, bởi lẽ một số huynh tử cho rằng *bình* là “phê bình, bình phẩm”. Vậy, theo quý huynh tử ấy, nói *bình giảng thánh giáo* là bất kính; phạm nhân không nên khen chê, phê bình thánh giáo do Ôn Trên ban truyền.

Tôi xin đính chính: ***Bình không hẳn là bình phẩm.***

a. Trước kia, tôi nhiều lần được hầu đàn cơ tại Cơ Quan Phở Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam. Tôi chứng kiến, thí dụ, sau khi đã dạy đạo được một lúc lâu, Đức Mẹ truyền lệnh: “Ngọc Kiều, **bình** lại!”

Đạo tử Ngọc Kiều (1922-1987), là vị điển ký, lập tức rời khỏi ghế ngồi, quỳ xuống bên cạnh bàn viết, và **đọc lại** tất cả những phần văn xuôi, thi phú đã ghi chép được. Nếu đạo tử chép sai chữ nào, Đức Mẹ liền gõ đầu ngón cơ xuống mặt bàn cơ, sửa lại ngay chữ đó... (Thế thì Đức Mẹ đâu có bảo đạo tử “bình phẩm” thánh giáo.)

b. Theo tiểu thuyết *Lều Chông* của nhà văn Ngô Tất Tố

(1894-1954), ngày xưa các cụ đồ rèn luyện học trò đi thi đều tổ chức các buổi **bình văn, bình thơ**. Người có giọng tốt, biết ngân nga trầm bổng sẽ được chọn để **đọc thơ văn** của đồng môn, và chỉ đọc cho mọi người thưởng thức chứ **không bình phẩm, khen chê**.

c. *Tự Điển Việt Nam* của Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ (Sài Gòn: Nhà sách Khai Trí, 1970, quyển Thượng, tr. 107) giải thích:

“**bình** (động từ): ... đọc lên có giọng.”

“**bình thơ** (động từ): Ngâm và cắt nghĩa từng câu thơ.”

“**bình văn** (động từ): Đọc lên bài văn và cắt nghĩa từng câu, từng đoạn.”

Như vậy, **bình giảng thánh giáo** nghĩa là đọc thánh giáo (có thể kết hợp ngâm thi phú) và giảng giải bài thánh giáo cho rõ nghĩa.

Một bài thánh giáo nếu giảng giải cho cặn kẽ, tới nơi tới chốn, đòi hỏi rất nhiều công trình tim óc. Chương Trình Chung Tay Ấn Tông đã xuất bản hai tập sách nhỏ vốn là kết quả của bốn buổi bình giảng thánh giáo:

- *Một Dòng Bát Nhã* (của Huệ Khải, bình giảng thánh giáo Đức Thái Thượng Đạo Tổ và Đức Quan Âm Bồ Tát);

- *Ôn Cứu Độ* (của Diệu Nguyên, bình giảng thánh giáo Đức Quan Âm Bồ Tát và Đức Chúa Giêsu).

## BÌNH GIẢNG THÁNH GIÁO: KẾT CẤU MỘT BÀI GIẢNG

Sau đây chỉ là một gợi ý về cách kết cấu một bài bình giảng thánh giáo, thường gồm ba phần chánh.

Để minh họa cho việc miêu tả từng phần kết cấu của bài giảng, các thí dụ sau đây được đánh số liên tục, trích từ hai tập *Một Dòng Bát Nhã* (của Huệ Khải), và *On Cứu Độ* (của Diệu Nguyên).

### 1. Giới thiệu thánh giáo

Cho biết thánh giáo do Đấng nào dạy? Dạy ở đâu? giờ nào? ngày nào? (Nếu biết rõ thì nói thêm nguyên do hay hoàn cảnh nào mà có thánh giáo này.)

**Thí dụ 1:** Trong buổi bình giảng thánh giáo tại thánh tịnh Minh Kiến Đài, chiều 01-4 Nhâm Thìn (21-4-2012), người giảng mở đầu ngắn gọn như sau:

*Hôm nay chúng ta cùng ôn học bài thánh giáo Đức Quan Âm Bồ Tát dạy tại Huòn Cung Đàn (Tam Giáo Điện Minh Tân) vào đêm 29-5 rạng 01-6 Ất Tỵ (28 rạng 29-6-1965).*

**Thí dụ 2:** Tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo,

trong buổi bình giảng thánh giáo sáng ngày 01-9 Kỷ Sửu (18-10-2009), người giảng liên hệ tới kinh Phật thời Nhị Kỳ Phổ Độ trước khi nói tới thánh giáo Tam Kỳ Phổ Độ:

*Trong kho tàng kinh Phật truyền lại từ Nhị Kỳ Phổ Độ, có Bát Nhã Tâm Kinh là một bài kinh ngắn rất nổi tiếng, được dịch ra nhiều ngôn ngữ. Riêng bản dịch chữ Hán (của Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang đời Đường, thế kỷ thứ Bảy) gồm hai trăm sáu mươi chữ, mở đầu như sau:*

*“Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm bát nhã ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.”*

*Nghĩa là:*

*Đức Bồ Tát Quán Tự Tại lúc thực hành thâm sâu bát nhã ba la mật, soi thấy năm uẩn đều không, vượt qua mọi khổ nạn.*

*Trong Bát Nhã Tâm Kinh lại có câu này:*

*“Bồ đề tát đỏa y bát nhã ba la mật đa cố, tâm vô quái ngại...”*

*Nghĩa là:*

*Đức Bồ Tát vì thế nương theo bát nhã ba la mật đa, tâm không chướng ngại...*

*Bồ Tát Quán Tự Tại cũng là Bồ Tát Quán Thế Âm. Tự tại là tự do. Tâm vô quái ngại hay tâm vô ngại là tâm không bị chướng ngại, không bị cản trở.*

*Dòng tư tưởng bát nhã rất cô đọng của Phật Giáo Nhị Kỳ Phổ Độ giờ đây lại được chính Đức Quán Thế Âm giảng giải bằng tiếng Việt trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.*

*Thật vậy, thánh giáo của Đức Bồ Tát tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 15-7 Đinh Tỵ (29-8-1977) cho thấy ngoài dòng bát nhã xa xưa, hiện nay còn có một dòng bát nhã khác đang chảy trên quê hương Việt Nam trong Kỳ Ba cứu thế.*

## 2. Bình giảng: Phân bài thánh giáo ra từng đoạn nhỏ

Chia bài thánh giáo thành từng khổ thơ, từng đoạn tản văn; rồi giải nghĩa từ ngữ khó, điển tích. Có thể trích dẫn thêm kinh điển phù hợp để làm sáng tỏ lời giảng của mình.

**Thí dụ 3:** Tại thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà, chiều 15-6 Quý Tỵ (22-7-2013), người giảng bình giảng thánh giáo Đức Chúa Giêsu dạy tại Huồn Cung Đàn (Tam Giáo Điện Minh Tân) vào đêm 24 rạng 25-12-1965.

a. Người giảng trích bốn câu thi xưng danh mở đầu thánh giáo ấy:

***PHÊRÔ** giảng bút trước đàn tiên  
Nam nữ đồng tâm lãnh lĩnh truyền  
Lặng lặng nghiêm trang hầu Giáo Chủ  
Giáng trần chứng lễ rưới ân Thiên.*

*Thành tâm tiếp Chúa giảng. Thăng.*

b. Người giảng giải thích ý nghĩa khổ thơ xưng danh:

*Trên đây là bài thánh thi của Thánh Phêrô báo tin có Đức Da Tô Giáo Chủ giáng đàn để ban ơn lành và chứng cho lòng thành của các môn đệ Cao Đài đang tổ chức lễ kỷ niệm mừng Chúa Giáng Sinh. Đồng thời, Thánh Phêrô cũng căn dặn quý vị hầu đàn hôm ấy phải giữ thanh tịnh, yên lặng, nghiêm trang để hầu Đấng Giáo Chủ cứu thế. Đây quả là một diễm phúc lớn lao không thể tưởng của hàng môn đệ Cao Đài lúc bấy giờ: Trong lúc nhân loại toàn thế giới long trọng tổ chức lễ mừng Giáng Sinh thì hàng môn đệ Cao Đài lại được trực tiếp đón nhận ân điển thiêng liêng cùng những lời giáo huấn quý báu của Đức Giêsu Kitô.*

*Nhân đây, chúng ta ôn lại khái quát về Thánh Phêrô. Ngài là tông đồ trưởng trong mười hai Thánh tông đồ của Chúa Giêsu. Phêrô là tên Thánh do Chúa đặt cho ông, là phiên âm của chữ Petros trong tiếng Hy Lạp, có nghĩa là đá. Ông được Chúa Giêsu trao cho quyền cai quản Hội Thánh qua lời Chúa dạy (Matthêu 16:18-19):*

*“Thầy bảo cho anh biết: Anh là Phêrô, nghĩa là tảng đá. Trên tảng đá này, Thầy sẽ xây Hội Thánh của Thầy, và quyền lực tử thần sẽ không thắng nổi. Thầy sẽ trao cho anh chìa khóa Nước Trời...”*

*Do đó Thánh Phêrô được xem là vị Giáo Hoàng đầu tiên của Giáo Hội Công Giáo và là vị Thánh giữ cửa Thiên Đàng.*

*Tháng 8 năm 64, hoàng đế Nero (sinh năm 37, trị vì La Mã 54-68) bắt đầu bách hại giáo dân Công Giáo.*

Phêrô quyết định đi lánh nạn, nhưng dọc đường ông gặp Chúa Giêsu vác thập tự giá trên vai.

Ngạc nhiên, Phêrô hỏi: “Lạy Chúa, Chúa đi đâu?”

Chúa Giêsu đáp: “Thầy vào thành Rôma để chịu đóng đinh một lần nữa.”

Phêrô hiểu ra hàm ý của Chúa, nên quay trở vào thành và chịu bị kết án đóng đinh trên thập tự giá. Tuy nhiên, cảm thấy mình không xứng đáng được chết như thầy Giêsu nên Phêrô đã yêu cầu được đóng đinh ngược đầu xuống.

Ngày nay, trong đạo Cao Đài, Thánh Phêrô thường đến trước báo đàn mỗi khi Đức Chúa Giêsu giảng cơ dạy đạo.

Thánh Phêrô giảng cơ lần đầu tiên ngày 01-01-1926 (17-11 Ất Sửu):

Thiên đàng giữ cửa góc trời Tây  
Truyền đạo cho dân biết mặt Thầy  
Cứu chuộc đã gần hai ngàn tuổi  
Cao Đài phú thác đất đều bây.

**Thí dụ 4:** Tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, sáng ngày 01-6 Đinh Hợi (14-7-2007), người giảng bình giảng thánh giáo Đức Thái Thượng Đạo Tổ dạy tại Cơ Quan vào Tý thời, ngày 15-02 Quý Sửu (18-3-1973).

a. Người giảng trích một đoạn thánh giáo:

Nhân lòng thành kính của chư môn sanh, Lão đáp lại

câu Thượng đức bất đức, hạ đức chấp đức, chấp trứ chi giả bất minh đạo đức để giảng lại cho chư môn sanh ngõ hầu áp dụng trên đường tu thân hành đạo.

b. Trong đoạn thánh giáo đó, câu chữ Nho Thượng đức bất đức, hạ đức chấp đức, chấp trứ chi giả bất minh đạo đức cần phải giải nghĩa cho rõ ràng. Vì thế, người giảng chia câu chữ Nho này ra làm ba đoạn nhỏ như sau:

1. Thượng đức bất đức: Bậc đức cao không theo quy ước đạo đức của thế tục (cách cư xử của các vị có thể không giống như quy ước xã giao, luân lý thông thường của người đời).

Thí dụ một, người thế gian xem chuyện giao tế, thăm hỏi lẫn nhau là lễ nghĩa ở đời. Bậc thượng đức quý thời gian eo hẹp, chỉ muốn dành hết ngày giờ để tu học, hành thiện (công phu) cho nên không chịu giao du, hạn chế những sự thăm viếng phù phiếm.

Thí dụ hai, người thế gian xem chuyện khóc lóc thảm thiết trong đám tang là hiếu, là thương nhớ kẻ qua đời (nên có nhà còn tốn tiền thuê người khóc mướn). Khi ma chay, cúng giỗ thì sát sanh đãi đằng linh đình để trả nợ miệng. Bậc thượng đức hiểu rằng tất cả các việc làm làm lẫn đó đều trôi buộc vong hồn vào vòng luân hồi, không còn nẻo siêu thoát. Thế nên bậc thượng đức không làm đám tang rình rang và không cúng giỗ với tiệc mặn linh đình theo kiểu dân gian.

Thí dụ ba, người thế gian xem chuyện sinh con nối dõi



tông đường là hiếu. Bậc thượng đức xem xuất gia tu hành mới là đại hiếu vì người tu có thể cứu rỗi cho cửu huyền thất tổ, trái lại hôn nhân, con cái là ràng buộc. Thế nên, khi thái tử Cồ Đàm sinh con trai đầu lòng, Ngài bèn đặt tên là La Hầu La, có nghĩa là chướng ngại và trôi buột. Sau đó, ngài mau mau trốn khỏi hoàng cung tìm đạo, sợ nán ná thì sẽ có thêm một La Hầu La khác!

Thí dụ bốn, người thế gian xem việc phá hoại hôn nhân của kẻ khác là ác độc. Nhưng Đức Phật Thích Ca nghĩ khác. Khi biết em cùng cha khác mẹ của Ngài là Nan Đà (Nanda) đang làm đám cưới, sợ Nan Đà vì việc này mà chìm đắm biển trần, Phật liền rời tịnh xá, đi thẳng vào hoàng cung và đưa Nan Đà về tịnh xá quy y ngay, bắt chấp chú rể lẫn cô dâu dang dở việc trăm năm. Nhờ Phật hành xử theo bậc thượng đức mà sau này Nan Đà thành chánh quả.

2. Hạ đức chấp đức: Kẻ đức thấp câu nệ vào quy ước đạo đức của thế tục (tục đức).

Chấp trừ chi giả: Kẻ mà câu nệ (tục đức) như vậy. (Chấp trừ cũng đọc là chấp trước.)

Bất minh đạo đức: Không hiểu rõ hai chữ đạo đức đúng nghĩa theo đạo lý.

3. Nguyên ý trong Đạo Đức Kinh (chương 38) là:

Thượng đức bất đức, thị dĩ hữu đức. Hạ đức bất thất đức, thị dĩ vô đức.

(Bậc đức cao coi thường tục đức, vì thế nên có đức đúng theo lẽ đạo, không phù phiếm. Người đức thấp câu nệ vào tục đức, tuy không đánh mất tục đức phù phiếm, nhưng vì thế mà lại không có được cái đức của bậc siêu phàm.)

Ở đây Đức Đạo Tổ nhắc lại ý Đức Lão Tử (một kiếp giáng sinh của Ngài), phân tách thế nào là sống đạo đức chân chính và thế nào là sống đạo đức giả tạo, phù phiếm (tục đức).

Sống đạo đức chân chính là tu hành, lấy việc trau dồi tâm linh làm trọng, thuận theo lẽ Trời, không câu nệ những hình thức giả tạo do quy ước xã hội bày ra (mỗi nơi, mỗi thời, mỗi nền văn hóa đều khác nhau, nghĩa là tục đức chỉ có giá trị tương đối trong không gian và thời gian).

Hai thí dụ trên đây cho thấy rằng để có thể bình giảng tốt thánh giáo Đức Chúa Giêsu, người giảng cần hiểu biết về Kinh Thánh, lịch sử đạo Thiên Chúa. Tương tự, khi bình giảng thánh giáo Đức Thái Thượng Đạo Tổ, người giảng cần hiểu biết về Đạo Đức Kinh.

### 3. Kết thúc bài giảng

Người giảng tóm tắt ý nghĩa trọng yếu của thánh giáo.

**Thí dụ 5:** Kết thúc buổi bình giảng thánh giáo Đức Thái Thượng Đạo Tổ dạy tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam vào Tý thời, ngày 15-02 Quý Sửu (18-

3-1973), người giảng tóm tắt:

*Tu Cao Đài là tu Tam Giáo, tu ba trong một. Đi xa khỏi từ gần. Lên cao leo từ chỗ thấp. Muốn làm bậc thượng đức thì người tu bắt đầu từ chỗ lập đức. Lập đức khởi đầu bằng giữ Ngũ Giới. Ngũ Giới khởi đầu bằng mở lòng Nhân, không sát sanh, học theo đức hiếu sanh của Trời. Thế nên nhập môn rồi thì phải tập ăn chay. Chỉ ít giữ mười ngày chay cũng đủ điều kiện để xin thọ tâm pháp giải trần lao trong Kỳ Ba đại ân xá.*

*Chủ đề đạo pháp Đức Đạo Tổ đưa ra rất lớn: Truyền cho môn sanh hãy học làm bậc thượng đức và thực hành tâm pháp để giải thoát trần lao (luân hồi sanh tử). Thế rồi Đức Đạo Tổ từ từ dẫn dắt môn sanh thực hành bằng cách đưa về Ngũ Giới, thực thi Ngũ Đức (Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín). Đây là bước đầu rất căn bản mà ai mới nhập môn cũng đều được chỉ dạy.*

*Như thế, con đường và pháp môn Đức Đạo Tổ ban cho trong thời pháp này dẫu siêu việt, phi phàm nhưng vẫn không vượt khỏi khả năng của môn đệ chốn phàm trần. Đến đây chúng ta ắt nhớ lời Đức Lão Tử (Đạo Đức Kinh): Ngô ngôn thậm dị tri, thậm dị hành. (Lời ta rất dễ hiểu, rất dễ làm theo.)*

*Xin cầu nguyện cho tất cả môn sanh trong Tam Kỳ Phổ Độ này thành tựu được tâm huyết mà Đức Đạo Tổ từ bi ký thác.*

**Thí dụ 6:** Kết thúc buổi bình giảng thánh giáo Đức Chúa

Giêsu dạy tại Huồn Cung Đàn (Tam Giáo Điện Minh Tân) vào đêm 24 rạng 25-12-1965, người giảng tóm tắt:

*Tóm lại, qua lời dạy của Đức Da Tô Giáo Chủ, chúng ta có thể ghi nhớ ba nội dung chính sau đây:*

*1. Công bình là luật của Trời. Đức Chí Tôn Thượng Đế ban rải tình thương yêu cho khắp cùng con cái nơi thế gian một cách công bình, không phân biệt hay ưu ái riêng cho một giống dân nào, đã tùy theo phong tục tập quán của mỗi xứ mà lập nên các nền tôn giáo để cứu độ nhơn sanh.*

*2. Con người do lòng tham dục nên đã gây ra biết bao tội tình vi phạm luật công bình của Đấng Cha Trời. Do đó, Đức Từ Phụ đã cho các hàng giáo chủ xuống thế gian, hy sinh thân mình để cứu độ nhơn loại, bảo vệ lẽ công bình, và cũng để nhắc nhở tín đồ các tôn giáo hãy noi theo gương hy sinh của các Ngài mà cứu độ chúng sanh.*

*3. Ngày nay, cơ Trời đã đến lúc tái tạo cõi dinh hoàn, cơ sàng sảy ngày càng thêm ráo riết, luật Thiên điều thưởng phạt rất công bình, những ai biết làm lành lánh dữ, sống trong phép nhiệm của Trời thì linh hồn sẽ được cứu rỗi ngày cùng cuối.*

## BÌNH GIẢNG THÁNH GIÁO: MỘT SỐ ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Trong lúc tìm hiểu ý nghĩa bài thánh giáo, người giảng thường gặp nhiều khó khăn liên quan tới văn bản. Để xử lý những trở ngại này, người giảng cần có kinh nghiệm đọc thơ phú và hiểu biết khá nhiều về kinh điển Tam Giáo, giáo lý Đại Đạo, v.v... Không thể tổng kết nơi đây tất cả mọi loại khó khăn về văn bản, tôi tạm nêu một số trường hợp cần lưu ý. Các thí dụ minh họa được đánh số liên tục.

### 1. Từ đồng âm khác nghĩa trong bài thi xưng danh

Nhiều bài thi quán thủ xưng danh dùng từ đồng âm (theo giọng miền Nam, miền Trung) nhưng khác ý nghĩa.

**Thí dụ 1:** HOÀN, HOÀNG giọng miền Nam, miền Trung đọc giống nhau. Tại thánh tịnh Đại Thanh, ngày 24-7 Giáp Tuất (02-9-1934), Đức Chí Tôn xưng danh:

*NGOC chỉ ban ra dạ nghẹn ngừng  
HOÀNG cầu thế giới vẫn trời chung  
THƯỢNG cờ quy nhứt mình chơn đạo  
ĐỂ mạng chừ ai gánh vác cùng?*

**Giải thích:**

Theo cách đọc quán thủ, HOÀNG 皇 là vua.

Theo nghĩa câu hai, phải viết HOÀN cầu mới đúng.

Gặp trường hợp này, lúc trình bày văn bản nên viết: *HOÀN(G) cầu thế giới vẫn trời chung.*

Người giảng thánh giáo có thể giải thích lý do vì sao viết HOÀN(G) để tín hữu chưa quen dễ hiểu.

**Thí dụ 2:** Tại Tòa Thánh Hậu Giang, ngày 15-02 Đinh Sửu (27-3-1937), Đức Chí Tôn xưng danh:

*NGOC Kinh mở cửa để chờ con  
HOÀNG cảnh trần gian đạo đức tròn  
THƯỢNG chí hạ lưu tu đức chính  
ĐỂ dân khỏi thẹn với sông non.*

**Giải thích:**

Theo nghĩa câu hai, phải viết HOÀN cảnh mới đúng.

Gặp trường hợp này, lúc trình bày văn bản nên viết: *HOÀN(G) cảnh trần gian đạo đức tròn.*

**Thí dụ 3:** TÁT, TÁC giọng miền Nam, miền Trung đọc giống nhau. Tại thánh thất Trung An, ngày 14-7 Đinh Hợi (29-8-1947), Đức Từ Hàng Phổ Độ Quan Âm Bồ Tát xưng danh:

*TỪ mấy mươi năm Đạo hoát khai  
HÀNG bao nhiêu độ giáng trần ai  
PHỔ truyền chơn giáo diu sanh chúng  
ĐỘ rồi thiện căn khỏi nghiệp đài*

*QUAN* quả buồn trông đoàn nữ phái  
*ÂM* thâm đoái tưởng nẻo tương lai  
*BỒ* đoàn cho biết hồi tề tái  
*TÁT* họa vì đâu kẻ phản hồi.

**Giải thích:**

Theo cách đọc quán thủ, HÀNG 航 là danh từ, có nghĩa con thuyền. TỪ HÀNG 慈航 là con thuyền từ bi (*boat of mercy*), được Bồ Tát dùng để cứu vớt chúng sinh thoát ra khỏi biển khổ trầm luân, đưa sang bến bờ giải thoát.

Theo nghĩa câu hai, HÀNG là phó từ (*adverb*), đồng nghĩa với HẰNG, diễn tả một sự việc, hành động diễn ra thường xuyên theo một tần số. Ta hay nói: *Hàng (hằng) giờ, hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, hàng năm, v.v...*

Theo cách đọc quán thủ, câu thơ thứ tám viết là TÁT 薩. Thuật ngữ *Bodhisattva* (tiếng Sanskrit) được người Hoa chuyển chữ (*transliterating*) thành *Bồ Đề Tát Đóa* 菩提薩埵, rồi rút gọn thành *Bồ Tát* 菩薩.

Theo nghĩa câu tám, phải viết TÁC 作 mới đúng. TÁC họa 作禍 là gây ra tai họa.

Gặp trường hợp này, lúc trình bày văn bản nên viết: *TÁT (TÁC) họa vì đâu kẻ phản hồi.*

Người giảng thánh giáo có thể giải thích lý do vì sao viết *TÁT (TÁC)* để tín hữu chưa quen dễ hiểu.

**Thí dụ 4:** *QUAN, QUANG* giọng miền Nam, miền

Trung đọc giống nhau. Tại thánh thất Thái Hòa, ngày 01-01 Ất Mùi (24-01-1955), Đức Quan Thánh xưng danh:

*QUAN* cảnh ngày xuân cảnh mỹ miều  
*THÁNH* tâm mới được thấy cao siêu  
*ĐỂ* truyền nhơn chúng tuân cơ vận  
*QUÂN* tử biết thời chớ thảng kiêu.

**Giải thích:**

Theo cách đọc quán thủ, câu một viết QUAN 關.

Theo nghĩa câu một, phải viết QUANG cảnh 光景 mới đúng.

Gặp trường hợp này, lúc trình bày văn bản nên viết: *QUAN(G) cảnh ngày xuân cảnh mỹ miều.*

Người giảng thánh giáo có thể giải thích lý do vì sao viết *QUAN(G)* để tín hữu chưa quen dễ hiểu.

**Thí dụ 5:** Đức Quan Thánh Đế Quân còn có một tôn hiệu là Phục Ma Đại Đế. Tại tỉnh đạo Thừa Thiên, ngày 02-03 Mậu Tuất (20-4-1958), Đức Phục Ma Đại Đế xưng danh:

*PHỤC* hưng chánh pháp độ quần nhân  
*MA* luyện người nên Phật Thánh Thần  
*ĐẠI* phước ngộ kỳ khai thánh đức  
*ĐỂ* Quân sắc lệnh đoạn tâm thân.

**Giải thích:**

Theo cách đọc quán thủ, câu hai viết MA 魔, nghĩa là

ma quý, ma quái, tà ma...

Phục MA 伏魔: Khuất phục, chế ngự yêu ma quỷ quái.

Theo nghĩa câu hai, MA 磨 nghĩa là mài giũa.

MA luyện 磨煉: Mài giũa và tôi luyện (rèn đức).

Người giảng cần nói rõ chữ MA trong tôn hiệu quán thủ khác nghĩa với chữ MA trong câu hai.

## 2. Từ Hán Việt trong câu thơ quốc ngữ

**Thí dụ 6:** Tại Phước Huệ Đàn, ngày 08-11 Kỷ Hợi (07-12-1959), Đức Ngôi Hai xưng danh:

*NGÔ thị Ngôi Lời xuống thế gian*

*ĐẠI đồng lập pháp dựng Nam bang*

*TIÊN phàm ai biết làm sao biện*

*GIÁNG giảng thẳng thẳng Phước Huệ Đàn.*

### Giải thích:

Theo cách đọc quán thủ, danh từ NGÔ 吾 là họ NGÔ.  
(Ngoài ra, họ NGÔ còn viết là 吳.)

Trong câu một, động từ THỊ 是 có nghĩa là. Thí dụ:

*Tha thị học sinh. 他是學生 (Nó là học sinh.)*

Đại từ (*pronoun*) NGÔ 吾 nghĩa là ta.

NGÔ THỊ 吾是 *Ngôi Lời...* (Ta là Ngôi Lời...).

Ngôi Lời (*Logos*) cũng là Ngôi Hai. Theo nhiều thánh

giáo Cao Đài, Đức Ngô Minh Chiêu là Ngôi Hai Giáo Chủ, do đó Ngài giảng cơ xưng danh là Ngôi Hai, Ngôi Lời, Christ...

Thí dụ, tại Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 09-9-Bính Thân (12-10-1956), Đức Ngô Đại Tiên xưng danh:

*CHRIST đến lần ba*

*NGÔ Đạo mở sơn hà*

*ĐẠI đồng quy vạn giáo*

*TIÊN Phật cũng là Ta.*

### Giải thích:

Theo cách đọc quán thủ, danh từ NGÔ 吾 là họ NGÔ.

Theo nghĩa câu hai, NGÔ Đạo 吾道 là Đạo của Ta.

**Thí dụ 7:** Tại thánh thất Trung Nguyên, ngày 28-4 Kỷ Hợi (04-6-1959), Đức Lý Bạch Đại Tiên dạy:

*Ai còn lo chủ trương cứu thế*

*Phải dừng chân mà để xét suy*

*Cho rành **nhĩ ngã, thị phi***

*Ta đi đường ấy, người đi đường nào?*

### Giải thích:

THỊ PHI 是非: Đúng sai, phải trái.

NHĨ NGÃ 你我: người và ta.

**Thí dụ 8:** Tại Phước Huệ Đàn, ngày 16-3 Kỷ Hợi (23-4-1959), Đức Ngô Đại Tiên dạy:

Không có Thầy tới tằm khôn khổ  
Có Thầy rồi **nhứt lộ đồng đăng**  
Thầy là manh mối tìm phăng  
Thầy là lẽ thật con đường vĩnh sanh.

**Giải thích:**

**NHỨT LỘ ĐỒNG ĐĂNG** 一路同登: Cùng đi chung một con đường, tức là cùng tu theo một đường lối giải thoát, cùng theo một đạo (tôn giáo).

**Thí dụ 9:** Tại Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 20-01 Kỷ Hợi (27-02-1959), Đức Phục Ma Đại Đế (Quan Thánh) dạy:

Người tự giác phải lo công quả  
Quả công dày **tội quá** trừ xong  
Xong rồi Bồng Đảo thông dong  
Nương mây cỡi gió khỏe lòng chi hơn.

**Giải thích:**

Phân biệt **QUÁ** (quốc ngữ) có nghĩa là rất, lắm. Thí dụ: **Tội quá!** (Đáng thương quá! Tội nghiệp quá!)

Tuy nhiên, trong câu hai, từ Hán Việt **TỘI QUÁ** 罪過 nghĩa là tội lỗi.

*Quả công dày tội quá trừ xong:* Người tu cố gắng tạo cho được thật nhiều công quả để chuộc lại tội lỗi thì tiêu trừ hết tội, sạch tội.

**Thí dụ 10:** Tại thánh thất Vĩnh Xuân, ngày 08-9 Mậu Tuất (20-10-1958), Đức Lê Sơn Thánh Mẫu xưng danh:

LÊ la ngày tháng đấm trần gian  
SON động ngời trông lệ mấy hàng  
THÁNH **vực** trẻ sao chưa trở gót  
MẪU **Đường** giận trách đấm con hoang.

**Giải thích:**

Trong câu ba, **VỰC** 域 là cõi, khu, vùng đất. Thí dụ: *Hải vực* 海域 (vùng biển), *cương vực* 疆域 (bờ cõi).

Người Việt quen đọc trại **VỰC** thành **VỨC**. Thí dụ: *Thánh vức:* Thánh vực, cõi thánh, miền đất thánh.

Trong câu bốn, danh từ **ĐƯỜNG** 堂 là tiếng gọi mẹ người đối diện. Thí dụ: *Tôn đường* 尊堂 (mẹ ngài), *lệnh đường* 令堂 (mẹ ông). Do đó, nói **MẪU ĐƯỜNG** 母堂 là nhắc tới Đức Mẹ Diêu Trì.

**Thí dụ 11:** Tại thánh thất Vĩnh Xuân, ngày 08-9 Mậu Tuất (20-10-1958), Đức Lê Sơn Thánh Mẫu dạy:

Mê vật chất quên lời giáo huấn  
Đấm lợi danh hờ hững lòng tu  
Muốn ham chùng máy cho **phu**  
Quê xưa vị cũ làm lu làm mờ.

**Giải thích:**

Trong câu ba, **PHU** 敷 là đủ. Thí dụ:

- *Nhập bát phu xuất* 入不敷出 (Nhập không đủ xuất).
- *Lương thảo bát phu* 糧草不敷 (lương thảo không đủ).

(*Lương* là thức ăn cho người; *thảo* là cỏ cho ngựa ăn. Câu *Lương thảo bất phu* dùng trong quân đội ngày xưa.)

*Muốn ham chừng mấy cho phu:* Con người thường tham muốn không giới hạn (có voi đòi tiên); do đó lòng tham không đáy, bao nhiêu cũng không đủ. Câu thơ thứ ba khuyên con người phải *tri túc* (biết đủ) để khỏi phung phí đời người chạy theo dục vọng, dành thời gian quý báu của kiếp người ngăn ngui mà lo tu hành giải thoát luân hồi.

**Thí dụ 12:** Tại Ngũ Hành Sơn, ngày 09-01 Mậu Dần (08-02-1938), Đức Chí Tôn dạy:

*Nhưng các con ơi thời dĩ đáo  
Nên Thầy giảng chỉ trước đàn tiên...*

**Giải thích:**

DĨ ĐÁO 已到 là đã tới rồi.

**Thí dụ 13:** Tại Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 08-01 Nhâm Tuất (01-02-1982), Đức Bảo Pháp Chơn Quân Thanh Long dạy:

*Ai nấy cũng hết lòng vì Đạo  
Phải **tiểu tâm** chu đáo mọi bề  
Thị thành, miền tỉnh, thôn quê  
Bửu Tòa, thánh thất nhất tề ngoài trong.*

**Giải thích:**

Người Việt hiểu TIỂU TÂM là bụng dạ hẹp hòi, nhỏ mọn; kẻ tiểu tâm thì tính nết nhỏ nhen.

Tuy nhiên, đọc câu *Phải tiểu tâm chu đáo mọi bề* thì phải hiểu TIỂU TÂM 小心 theo chữ Hán, có nghĩa là *thận trọng, không khinh suất*.

### 3. Tiếng Việt cổ

Tiếng Việt cổ (*archaic*) là những lời ăn tiếng nói hiện nay không còn thông dụng trong đời sống, do đó không được giải thích trong phần lớn các từ điển xuất bản sau này (khoảng từ giữa thế kỷ 20 trở đi).

Đọc thánh giáo, nếu gặp những từ ngữ lạ, khó hiểu (nhưng không phải là từ Hán Việt), người giảng nên nghĩ tới tiếng Việt cổ. Bộ *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị* (hai quyển) của Huỳnh Tịnh Paulus Của (1834-1907), in tại Sài Gòn hai năm 1895 và 1896, có thể giúp người giảng tra cứu ý nghĩa một số tiếng Việt cổ.

**Thí dụ 14:** Tại thánh tịnh Đại Thanh, ngày 24-7 Giáp Tuất (02-9-1934), Đức Chí Tôn dạy tiền bối Trần Công Ban:

*BAN nặng gánh đôi vai trĩu trĩu  
Khó nổi trung, nổi hiếu, nổi tình  
**Đường dê** chân bước gập ghình  
Dầm mưa dãi gió thân mình quản chi.*

**Giải thích:**

Theo bộ *Quốc Âm Tự Vị* của Paulus Của, ĐƯỜNG DÊ là đường trường xa cách, đường rừng rú. Theo ngữ cảnh bài thơ dẫn trên, nên hiểu là đường gian khó, hiểm trở.

**Thí dụ 15:** Tại thánh tịnh Đại Thanh, ngày 24-7 Giáp Tuất (02-9-1934), Đức Chí Tôn dạy:

*Nay các con thân trai nặng nợ  
Chí tang bổng **mựa** chớ **đơn sai**  
Tuần hoàn con ác xoay xoay  
Non sông rồi cũng có ngày lạc quan.*

**Giải thích:**

MỰA là *đình, chớ* (từ dùng khi ngăn cấm); có lẽ do chữ Hán là MẠC 莫. Người xưa khuyên: Mạc *đãi lão lai phương học đạo...* (**Chớ** đợi tuổi già đến mới học đạo...).

ĐƠN SAI là *giả trá, không trung thực*. Trong truyện Kiều, để quảng cáo cửa hàng Châu Thai, Bạc Bà khoe với nàng Kiều: *Cửa hàng buôn bán Châu Thai / Thực thà có một, đơn sai chẳng hề.*

**Thí dụ 16:** Tại thánh tịnh Thanh Quang, ngày 25-4 Mậu Dần (24-5-1938), Đức Mẹ dạy:

*Bút rút **đòi phen** dạ chẳng đành  
Giáng trần chi sá trước cùng thanh  
Con ôi! Miễn độ qua bờ giác  
Mẹ há nài chi sự nhọc nhàn.*

**Giải thích:**

ĐÒI PHEN là *nhiều phen, lắm phen, nhiều khi*.

**Thí dụ 17:** Tại thánh thất Thái Hòa, ngày 13-9 Ất Mùi (28-10-1955), Đức Bảo Thọ Thánh Nương dạy:

*Thánh Đạo muốn nên **tua** học đạo  
Nương theo quyền pháp đến Long Hoa.*

**Giải thích:**

TUA là *nên, hãy nên*, do chữ Hán là TU 須.

**Thí dụ 18:** Tại thánh thất Nam Thành, ngày 29-9 Ất Mùi (13-11-1955), Đức Tổng Lý Trần Hưng Đạo dạy:

*Hồi hướng đạo ra tay **vừa** giúp  
Hồi nhơn sanh nỗ lực tham gia  
Nam Trung âu cũng một nhà  
Một Thầy một Đạo đâu là Nam Trung?*

**Giải thích:**

VỪA là *giúp đỡ*, thường nói VỪA GIÚP (hai từ đồng nghĩa).

**Thí dụ 19:** Tại thánh thất Trung Kiên, ngày 01-7 Mậu Tuất (15-8-1958), Đức Lê Sơn Thánh Mẫu dạy:

*Cuộc biến loạn trẻ thường mục kích  
Biết bao lần di dịch đổi thay  
Đời người sống chết trở tay  
Khi sang hơn chúa, khi **cây** hơn chi?*

**Giải thích:**

CÂY thường được hiểu là con chó. Thịt cây là thịt chó. Ca dao có câu: *Mèo ngao cắn cổ con cây / Con cây vật chết cả bầy mèo ngao.*



Nhưng trong câu bốn, CÂY (tiếng Việt cổ) nghĩa là *không có gì, trống rỗng, trống trơn*. Theo Paulus Của, THUA CÂY là thua [cờ bạc] sạch cả tiền; TRỐNG CÂY là trống rỗng, trống không; RƯƠNG TRỐNG CÂY là rương không có một xu, một đồng nào trong đó.

Vậy, KHI CÂY HƠN CHI nghĩa là khi nghèo trắng tay, không còn tí ti của cải thì có hơn chi đâu.

#### 4. Thuật ngữ tu đơn (tu thiền) trong đạo Lão

**Thí dụ 20:** Tại Phước Huệ Đàn, ngày 15-4 Kỷ Hợi (22-5-1959), Đức Ngô Đại Tiên dạy:

*Cứ ngỡ ngẩn chưa toàn chí nguyện  
Cứ so đo chưa **luyện đơn khuê**  
Lòng đang tính toán mọi bề  
Mười phương cũng có, muôn nghề cũng ung.*

Tương tự, tại Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 15-8 Canh Tý (05-10-1960), Đức Bảo Thọ Thánh Nương dạy:

*BÁO chị em ta sớm trở về  
THỌ truyền bí pháp **luyện đơn khuê**  
THÁNH phàm hai nẻo cân đo kỹ  
NƯƠNG cây cùng nhau trọn chữ thể.*

#### Giải thích:

ĐƠN KHUÊ (đơn khuê) 丹圭 cũng gọi *đơn dược* (đơn dược) 丹藥 ám chỉ pháp môn tu thiền, tu tịnh, tịnh luyện.

LUYỆN ĐƠN KHUÊ: Luyện đạo, tu thiền, tịnh luyện.

#### 5. Thuật ngữ Kinh Dịch

**Thí dụ 21:** Tại Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 15-7 Canh Tý (25-8-1960), Đức Bảo Thọ Thánh Nương dạy mười điều, trong đó điều thứ tư như sau:

*Bốn nghe ta chớ hờn chớ trách  
Ở thời **Khuê** qua **Cách** còn xa  
Cách sao danh nghĩa Bửu Tòa  
Trung Hưng sứ mạng nơi ta vẫn còn.*

#### Giải thích:

Câu hai nhắc tới hai quẻ Dịch:



*Quẻ Khuê (Ly + Đoài) và quẻ Cách (Đoài + Ly)*

a. Hỏa Trạch KHUÊ: Quẻ này gồm có quẻ Ly ở trên là Hỏa (lửa); và quẻ Đoài ở dưới là Trạch (đầm nước, ao hồ). Lửa thời bay lên, nước ao hồ thì lắng xuống; như vậy hai bên không bao giờ hợp tác cùng nhau được. Nói tới quẻ Khuê là ngụ ý chia rẽ, chống đối nhau, không hợp tác.

b. Trạch Hỏa CÁCH: Quẻ này gồm có quẻ Đoài ở trên là Trạch (ao hồ, đầm nước); và quẻ Ly ở dưới là Hỏa (lửa). Nước đổ xuống có thể dập tắt lửa; lửa bốc lên có thể làm nước bốc hơi khô cạn. Sự xung đột giữa hai bên đã đến tột độ, ắt phải có sự đổi thay. Vì thế, chữ CÁCH 革 là đổi thay, trừ bỏ, lột xác, đổi mới... Ta hay nói: *cách tân, cải cách, cách mạng...*

Nói tới quẻ Cách là ngụ ý đổi mới những gì vốn cũ kỹ, hủ bại. Trong câu hai, Đức Bảo Thọ Thánh Nương nhắc nhở rằng từ chỗ đang phân ly chia rẽ mà đi đến chỗ đổi mới hoàn cảnh để cùng nhau hợp tác hành đạo là cả một khoảng đường xa.

## 6. Điển cố (điển tích)

Khi thánh giáo nhắc tới một điển tích, người giảng kể lại tích đó thì chỉ mới làm xong phân nửa công việc. Phân nửa còn lại (mà quan trọng hơn) là hãy giải thích ý nghĩa câu thánh giáo có chứa điển tích đó.

**Thí dụ 22:** Tại thánh tịnh Đại Thanh, ngày 24-7 Giáp Tuất (02-9-1934), Đức Chí Tôn dạy tiền bối Bạch Phụng:

*BẠCH PHỤNG con, mệnh Trời phụng lãnh  
Gánh nhơn sanh là gánh chung cùng  
Vì ai, ai đợi, ai trông  
Cây ngô dậu phụng đã không thấy rồi!*

**Giải thích:**

CÂY NGÔ: Cây ngô đồng.

DẬU PHỤNG: Bống dáng chim phụng (phượng).

Theo truyền thuyết, xưa kia vua Phục Hy trông thấy tinh hoa của năm vì sao rơi xuống cây ngô đồng, và chim phụng (phượng) liền bay đến đậu trên cây ấy. Chim phụng là vua loài chim. Con trống là *phụng* 鳳, con mái là *hoàng* 凰. Người xưa cho rằng chim phụng xuất **hiện** là điềm có minh

vương ra đời. Suy ra, *Cây ngô dậu phụng đã không thấy rồi* có nghĩa là cuộc đời này không có minh vương!

**Thí dụ 23:** Tại thánh tịnh Thanh Quang, ngày 25-3 Mậu Dần (25-4-1938), Đức Mẹ dạy:

*Con ôi! Nhìn kỹ nực cười  
Khéo khen cho kiếp con người trở trính  
Vì sao mà thế bất bình  
Vì sao người chẳng nghĩa tình chi chi  
Vì sao kẻ trí không tri  
Vì sao **bạn tác** có **Kỳ** không **Nha**?*

**Giải thích:**

TRỞ TRÍNH: Dối trá (tiếng Việt cổ).

BẠN TÁC: Bạn cùng trang lứa, ngang tuổi nhau.

KỶ, NHA: Sở Bá Nha (quan đại phu, giỏi đánh đàn) và Chung Tử Kỳ (người kiếm củi, biết thưởng thức tiếng đàn) là điển tích đã phổ biến. Trong khi bình giảng thánh giáo, tùy điều kiện thời gian, đối tượng tín chúng, v.v... mà người giảng kể lại tỉ mỉ, hoặc chỉ kể vắn tắt. Dù kể tắt hay chi tiết thì đều nhớ nhấn mạnh rằng tích Bá Nha, Tử Kỳ ám chỉ tình bạn tri âm tri kỷ. Thế nên, khi hỏi “*Vì sao bạn tác có Kỳ không Nha?*” có nghĩa tại sao trong số bạn bè cùng trang lứa, mình thiếu người tri âm tri kỷ, thiếu người hiểu rõ mình để mà hết lòng ủng hộ mình, giúp đỡ mình.

\*

Thánh giáo Cao Đài rất phong phú các thể thơ phú.

Người giảng cần hiểu biết về luật thơ (bằng trắc, cách gieo vần, phép đối, v.v...) để dễ lãnh hội ý nghĩa câu thơ. Câu thơ có khi không đọc từ trái sang phải như văn xuôi. Câu thơ có khi lược bớt chữ cho đúng với số chữ quy định theo luật thơ... Sau đây là vài thí dụ minh họa.

## 7. Đảo ngữ

**Thí dụ 24:** Tại thánh tịnh Đại Thanh, ngày 24-7 Giáp Tuất (02-9-1934), Đức Chí Tôn dạy:

*Cuộc dâu bể nay đời mai đổi  
Mảnh thân sanh bảy nổi ba chìm  
Xoay vắn trên cỏi **Phù Diêm**  
Thạnh suy mấy lúc, cổ kim mấy lần.*

### Giải thích:

Theo thể thơ song thất lục bát, chữ chót câu lục (câu ba) phải vần với chữ CHÌM cuối câu thất phía trên (câu hai). Do đó, thay vì nói *Diêm Phù* phải đảo ngữ thành PHÙ DIÊM.

Cỏi Diêm Phù tức là cỏi ta bà, cỏi người, thế gian.

**Thí dụ 25:** Tại Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 23-01 Mậu Tuất (12-3-1958), Đức Bảo Thọ Thánh Nương dạy:

*BẢO toàn quyền pháp dựng Trung **Hưng**  
THỌ mạng khai cơ tận độ **cùng**  
THÁNH đức trau giồi xây thánh thể  
NƯƠNG thuyền bát nhã thoát **ba trùng**.*

### Giải thích:

Bài thơ xưng danh quán thủ làm theo thể thất ngôn tứ tuyệt, luật bằng vần bằng. Chữ chót các câu một, hai, bốn vần với nhau. Do đó, thay vì nói *trùng ba* phải đảo ngữ là BA TRÙNG.

TRÙNG 重: Nhiều tầng, nhiều lớp. BA 波: Sóng nước. TRÙNG BA: Sóng lớp lớp, liên tiếp nhiều đợt. Có câu: *Khổ hải vạn trùng ba*. (Biển khổ, tức là cuộc đời, có muôn lượn sóng xô, làm con người chìm đắm.)

**Thí dụ 26:** Tại thánh tịnh Thanh Quang, ngày 01-3 nhuận Bính Tý (21-4-1936), Đức Kim Quang Thánh Mẫu dạy:

*Hỡi chúng sanh! Chim lồng cá chậu  
Kiếp mấy năm cũng dẫu tranh **cường**  
Tang điền mà biến **hải thương**  
Cũng vì vạn loại mền đường tà tây.*

### Giải thích:

Theo thể thơ song thất lục bát, chữ chót câu thất thứ hai (câu hai) phải là thanh bằng và vần với chữ chót câu lục (câu ba). Do đó, thay vì nói *thương hải* (thanh trắc) phải đảo ngữ thành HẢI THƯƠNG (thanh bằng).

*Tang điền thương hải* là do thành ngữ *thương hải [biển vi] tang điền* (biển xanh biển thành ruộng dâu), ám chỉ biển cổ (thay đổi lớn lao) ở đời.

**Thí dụ 27:** Tại thánh tịnh Thanh Quang, ngày 22-02

Đinh Sửu (03-4-1937), Đức Chí Tôn dạy:

*Trung Kỳ trước cần toan sắp đặt  
Sắp đặt xong quy tắc **rẽ rành**  
Vì mình mà có chúng sanh  
Vì cơ Đạo chuyển tiến hành Đạo khai.*

**Giải thích:**

Theo thể thơ song thất lục bát, chữ chót câu thất thứ hai (câu hai) phải là thanh bằng. Do đó, thay vì nói *rành rẽ* (thanh trắc) phải đảo ngữ thành **RẼ RÀNH** (thanh bằng).

**Thí dụ 28:** Tại thánh tịnh Thanh Quang, ngày 01-3 nhuận Bính Tý (21-4-1936), Đức Kim Quang Thánh Mẫu dạy:

*Nơi Tiên bang động lòng thương chúng  
Giáng Thanh Quang chỉ đúng cơ mẫu  
Dạy chư tín nữ hồi đầu  
Dạy chư tín nữ đôi câu **rẽ rành**.*

**Giải thích:**

Theo thể thơ song thất lục bát, chữ chót câu bát (câu bốn trên đây) phải là thanh bằng. Do đó, thay vì nói *rành rẽ* (thanh trắc) phải đảo ngữ thành **RẼ RÀNH** (thanh bằng).

• **Trương tự:** Tại Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 15-7 Quý Sửu (13-8-1973), Đức Hưng Đạo Đại Vương dạy:

*Đời mạt kiếp khiến tiêu đủ cách  
Cơ lọc lừa thử thách trăm phương*

*Chọn người trung nghĩa hiền lương  
Chánh chơn đạo đức, lập trường **cổ kiên**.*

**Giải thích:**

Thay vì nói *kiên cố* (thanh trắc) phải đảo ngữ thành **CỔ KIÊN** (thanh bằng).

**Thí dụ 29:** Tại thánh thất Trung An, ngày 20-7 Đinh Sửu (25-8-1937), Đức Diêu Trì Kim Mẫu dạy:

*Nữ phái này con có biết **chua**  
Chị em dịu dẫn sớm cùng **trua**  
Con ôi! Bể khổ muôn điều thăm  
Khuyên khá bền tâm chớ **thốt thua**.*

**Giải thích:**

Bài thơ làm theo thể thất ngôn tứ tuyệt, luật trắc vần bằng. Chữ chót các câu một, hai, bốn vần với nhau. Do đó, thay vì nói *thua thốt* phải đảo ngữ là **THỐT THUA**.

**Thí dụ 30:** Tại thánh thất Kim Quang Minh Đài, ngày 22-6 Canh Tuất (24-7-1970), Đức Ngô Tùng Châu dạy:

*Đất linh kiệt, vẻ vang tốt đẹp  
Sanh anh tài liên tiếp xưa nay  
Để lo bảo vệ giống nòi  
Non sông gấm vóc, đến **ngày bình thanh**.*

**Giải thích:**

Bài thơ làm theo thể song thất lục bát. Trong câu bát (câu bốn trên đây) chữ thứ sáu và thứ tám đều phải là thanh

bằng, nhưng chữ thứ sáu (NGÀY) là thanh bằng thấp (dấu huyền) thì chữ thứ tám phải là thanh bằng cao (không dấu), như thế câu thơ mới có nhạc điệu. Do đó, câu tám không thể viết là *Non sông gấm vóc, đến ngày thanh bình* (thiếu nhạc điệu, vì BÌNH là thanh bằng thấp), mà phải đảo ngữ thành *Non sông gấm vóc, đến ngày bình thanh*.

### 8. Biến đổi âm, đọc trại âm

**Thí dụ 31:** Tại Trung Hưng Bưu Tòa, ngày 30-10 Mậu Tuất (10-12-1958), Đức Lý Thái Bạch xưng danh:

*LÝ sinh tâm tánh thích thanh **nhàn**  
THÁI vận đương chờ bước đạo **sang**  
BẠCH Ngọc đồ rên kêu khách tục  
Giáng thẳng máy Tào máy ai **tàng**.*

#### Giải thích:

Bài thơ xưng danh quán thủ làm theo thể thất ngôn tứ tuyệt, luật bằng vần bằng. Chữ chót các câu một, hai, bốn vần với nhau. Do đó, thay vì nói *tường* 詳 (hiểu rõ, biết rõ) phải biến âm là TÀNG.

• Hai trường hợp biến âm sau đây (32, 33) là để đúng theo quy ước thơ quán thủ.

**Thí dụ 32:** Tại Trung Hưng Bưu Tòa, ngày 22-4 Mậu Tuất (09-6-1958), Đức Chí Tôn xưng danh:

*NGỌC lành ráng luyện, giữ gìn con  
HOÀNG bệ ngôi xưa trẻ vẫn còn*

*THƯỢNG chí lo tu đờng luyện tục  
ĐỀ đầu sám hỏi đờng vuông tròn.*

#### Giải thích:

Bài thơ xưng danh quán thủ là NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐỀ. Trong đó, ĐỀ 帝 là vua, là chúa tể vũ trụ càn khôn.

Trong câu bốn, ĐỀ ĐẦU phải hiểu là ĐỀ ĐẦU 低頭 (cúi đầu). ĐỀ (động từ) là cúi xuống. Thí dụ, thơ Lý Bạch: *Đề đầu tư cố hương* 低頭思故鄉 (Cúi đầu nhớ cố hương.)

ĐỀ (tính từ) là thấp, không cao. Thí dụ: *đề xứ* 低處 (chỗ thấp).

Một tính từ như HẠ, THƯỢNG, khi biến thành động từ thì đọc là HÁ, THƯỢNG. Thí dụ: *Há sơn* 下山 (xuống núi), *há lâu* 下樓 (xuống lầu); *thượng đờng* 上堂 (lên thềm), *thượng báo* 上報 (đăng báo).

Do đó, thay vì đọc ĐỀ (động từ) mà đọc ĐỀ là điều chấp nhận được (dù từ điển không ghi nhận trường hợp này).

**Thí dụ 33:** Tương tự trường hợp 32, tại tinh đạo Phú Yên, ngày 28-3 Mậu Tuất (16-5-1958), Đức Chí Tôn xưng danh:

*CAO thanh đờng hưởng phước cao dày  
ĐÀI ngự bên Thầy báu trọng thay  
THƯỢNG đạt noi gương người thánh triết  
ĐỀ đầu sám hỏi đờng on Thầy.*

## 9. Lược bớt chữ do giới hạn số chữ trong câu thơ

**Thí dụ 34:** Tại thánh tịnh Thanh Quang, ngày 08-4 Bính Tý (28-5-1936), Đức Thích Ca Phật Tổ dạy:

*Trần gian ai thoát qua đò  
Ai người hiểu thấu, ai dò cho thông.*

### Giải thích:

Không thể hiểu câu lục đúng theo từng chữ là *thoát khỏi việc qua đò*, vì vô nghĩa.

Câu lục đã lược bớt chữ. Nên hiểu **thoát qua đò** tức là *bước lên đò bát nhã để thoát qua biển khổ*.

**Thí dụ 35:** Tại thánh thất Minh An, ngày 04-4 Mậu Tuất (22-5-1958), Đức Quan Thánh Đế Quân dạy:

*Tân toan ngày tháng nỡ là bao  
Tội phước nào ai có biết nào  
Tình ý mống lên chi quấy phải  
Ăn năn cho sớm kéo sa nhào.*

### Giải thích:

**NỖ LÀ BAO:** Chẳng bao nhiêu.

**MÓNG:** Nảy sinh, phát khởi.

Câu ba đã lược bớt còn bảy chữ cho đúng theo luật thơ thất ngôn tứ tuyệt. Câu ba nên hiểu như sau: *Tình ý [đã] mống lên [rồi thì chẳng còn đếm xỉa] chi [chuyện] quấy [hay] phải*.

**Thí dụ 36:** Tại thánh thất Trung Kiên, ngày 01-7 Mậu Tuất (15-8-1958), Đức Lê Sơn Thánh Mẫu dạy:

*Cuộc biến loạn trẻ thường mục kích  
Biết bao lần di dịch đổi thay  
Đời người sống chết trở tay  
Khi sang hơn chúa, khi cày hơn chi?*

### Giải thích:

Bài thơ song thất lục bát, câu ba chỉ có sáu chữ, nên phải lược bớt chữ. Nói đầy đủ là: *Đời người sống chết [nhanh như] trở [bàn] tay*.

**Thí dụ 37:** Tại Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 19-11 Kỷ Hợi (18-12-1959), Đức Thánh Nguyễn Chơn Khai dạy:

*Đình danh đình lợi từ đây  
Gắng công giúp Đạo tin Thầy mà tu  
Công trình, công quả, công phu,  
Dắt người ra khỏi bốn tù trầm luân.*

### Giải thích:

**ĐÌNH 停:** Dừng lại.

**ĐÌNH DANH ĐÌNH LỢI:** Không chạy theo danh vọng và quyền lợi nữa (để lo tu hành).

**BỐN TÙ:** Nói tắt thành ngữ *bốn vách trần tù*. Từ Hán Việt là *tứ đồ* (*tứ đồ tường*) 四堵牆(牆): Bốn vách. Thế gian có bốn thứ giam hãm con người trong ham muốn và nghiệp ngập, khiến con người mất tự do, giống như bị nhốt trong

bốn vách nhà tù (*đổ* và *tường* đều có nghĩa là vách tường). **BỐN TỪ** (tứ đồ tường) gồm có *tửu, sắc, tài, khí* 酒色財氣 (rượu, sắc dục, tiền bạc, và ma túy).

**Thí dụ 38:** Tại thánh thất Trung Thành, 13-03 Bính Ngọ (03-5-1966), Đức Hải Triều Thánh Nhơn dạy:

*Cuộc đời mãi mãi tân toan  
Sống còn ai khỏi lắm than kiếp người  
Muốn cho ngàn thuở yên vui  
Phăng dây đạo pháp tới lui cửa lành.  
Đây Bản Đạo chỉ rành cho biết  
Phải có gan mà quyết lấy lòng  
Rối ren mới gỡ được xong  
**Nếu còn dụ dục trong vòng tử sanh.***

#### **Giải thích:**

Câu bốn là lời khuyên tu tịnh (tu thiền) để giải thoát.

Câu bảy nghĩa là gỡ được ràng buộc chằng chịt của luân hồi nghiệp báo.

Theo một số bản thánh giáo được lưu truyền, **không có dấu phẩy** ở câu chót. Nếu người giảng sơ ý, cứ đọc luôn một mạch (*Nếu còn dụ dục trong vòng tử sanh*) thì sai nghĩa, câu thơ chót không trọn ý. Cho nên **phải thêm dấu phẩy** (*Nếu còn dụ dục, trong vòng tử sanh*); khi đọc hay ngâm, phải ngưng lại sau hai chữ *dụ dục*. Khi giảng, phải nói rõ ý câu thơ là: *Nếu còn dụ dục* [chưa tu hành, thì vẫn còn ở] *trong vòng tử sanh*.

## **10. Đọc thánh giáo giữa hai hàng chữ**

Người Anh khuyên phải biết đọc giữa hai hàng chữ (*reading between the lines*). Thật vậy, lắm khi chữ in hiện rành rành trên mặt giấy trắng lại không thể hiểu theo sát mặt chữ mà phải khám phá ra ẩn ý giấu kín trong từng con chữ. Đọc thánh giáo rất cần khả năng này để hiểu đúng và thấu đáo lời dạy của các Đấng thiêng liêng.

Thử nêu một **thí dụ** rất đơn giản: Tại thánh tịnh Thanh Quang, ngày 25-02 Mậu Dần (26-3-1938), Đức Diêu Trì Kim Mẫu dạy:

*Bể khổ voi voi tiếng khóc ai  
Khóc người **không mắt lại không tai**...*

Không thể hiểu sát mặt chữ (nghĩa đen) rằng Đức Mẹ khóc thương cho những người mù và dị tật (không có hai tai). Phải hiểu đúng rằng Đức Mẹ thương khóc những người vì quá đổi mê muội cho nên có mắt mà như mù, có tai mà như điếc.

Tại sao có mắt như mù? Vì hàng ngày đều tận mắt chứng kiến thế gian nay còn mai mất (vô thường), không ai thoát khỏi bốn khổ (sanh, lão, bệnh, tử), nhưng con người vẫn không tỉnh ngộ để sớm lo tu hành giải thoát.

Tại sao có tai như điếc? Vì lời Tiên tiếng Phật hằng bao nhiêu năm dài không ngừng thức tỉnh con người hãy biết lo tu hành giải thoát nhưng con người vẫn không lay chuyển tâm lòng.

## TÀI LIỆU HỌC TẬP THÁNH GIÁO

Đối với Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, *Thánh Truyền Trung Hưng* là một kho báu đang chờ đợi được khai thác hiệu quả nhờ vào Đoàn Phổ Tế Lưu Động.

Có thể lựa trong kho báu này mười hai bài thánh giáo rồi kết thành từng tập sách nhỏ làm **tài liệu học tập thánh giáo** dùng cho từng tháng trong từng năm. Tín chúng tại các họ đạo, cơ sở đạo được nhận tài liệu này sẽ thuận tiện nghiên cứu, theo dõi mỗi khi Đoàn Phổ Tế Lưu Động ghé đến địa phương theo định kỳ.

Khi thực hiện **tài liệu học tập thánh giáo** đừng chọn bài thánh giáo dài quá vì bình giảng không đủ giờ, nhưng đừng chọn bài thánh giáo ngắn quá.

Cần **hiệu đính chánh tả, cách chấm câu**. Sai chánh tả, chấm câu sai sẽ dẫn tới hiểu sai nội dung, hoặc khó hiểu.

Cần kèm thêm phần **chú thích từ ngữ** sau mỗi bài thánh giáo.

Có thể soạn sẵn một, hai **câu hỏi thảo luận** phổ biến trước cho tín chúng, hoặc in sẵn trong tài liệu.

Công tác **tu thư** chu đáo sẽ giúp vơi bớt gánh nặng trên vai đoàn viên Phổ Tế Lưu Động.

## CẨM NANG PHỔ TẾ LƯU ĐỘNG

Các thành viên của Đoàn Phổ Tế Lưu Động có người mạnh mặt này mà yếu mặt khác. Để bổ sung cho nhau, thống nhất một cách hiểu và giảng giải cho tín chúng, cần tổ chức **tập huấn** cho các đoàn viên trước khi quý huynh tỷ này tản về các họ đạo, cơ sở đạo ngõ hầu thi hành nhiệm vụ bình giảng thánh giáo.

Sau mỗi buổi giảng và thảo luận tại địa phương, các đoàn viên nên **phản ánh** với Trưởng, Phó Đoàn Phổ Tế Lưu Động những vướng mắc và đề xuất cách xử lý.

Việc họp mặt thường bất tiện (vì các đoàn viên phân tán ở nhiều địa phương gần xa), do đó có thể dùng hộp thư điện tử (*e-mail*) để trao đổi ý kiến giữa nội bộ Đoàn.

Dùng **thư điện tử** rất tiện lợi, vì Đoàn dễ lưu trữ các thông tin. Sau một thời gian, Đoàn kết tập các vấn đề lại, biên soạn thành **cẩm nang Phổ Tế Lưu Động**, dành riêng cho nội bộ Đoàn tham khảo.



# NHỊP CẦU TÂM GIAO & THIÊN NHÂN HIỆP NHẤT

Tuy không đầy đủ, nhưng các trường hợp khó khăn khi đọc thánh giáo (như đã trình bày trong những trang sách trên đây) cho thấy rằng từ chỗ hiểu được một bài thánh giáo tới chỗ bình giảng thánh giáo ấy được rõ ràng, hấp dẫn là cả một khoảng cách.

Xác định như vậy để thận trọng mỗi khi tìm hiểu, nghiên cứu, bình giảng thánh giáo. Khó khăn quả thật chẳng ít, nhưng nào phải là không vượt qua được.

## 1. Nhịp cầu tâm giao

Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo đã xuất bản *NGHỆ THUẬT THUYẾT TRÌNH GIẢNG ĐẠO*, trong đó soạn giả Đơn Tâm hướng dẫn nhiều nguyên tắc viết bài và thuyết đạo có thể áp dụng rất hiệu quả cho người đoàn viên Phổ Tế Lưu Động để bắc được **nhịp cầu tâm giao** với thính giả tín chúng, và đó là sự thành công tốt đẹp của buổi bình giảng thánh giáo.

Ngoài ra, khi về một thánh sở bình giảng thánh giáo, nếu như biết được tâm tư hay nỗi lòng bồn đảo địa phương và khéo léo tìm cách kết hợp với bài giảng để có một đôi điều

**gắn gũi hoàn cảnh họ đạo** thì rất hay. Tín chúng cảm thấy bài giảng không viễn vông. Nhưng nếu không có được sự kết hợp như mong muốn thì đừng gượng ép.

Để làm tươi vui bài giảng, cần vận dụng những mẫu chuyện đạo phù hợp và kể lại trong buổi bình giảng thánh giáo. Hướng tới mục đích này, Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo đã xuất bản một số tập sách như sau:

- *BẮC CẦU TÂM LINH*
- *CÂU CHUYỆN ĐỨC TIN*
- *DUỚI MÁI ĐẠO VIỆN*
- *HÒA ĐIỆU LIÊN TÔN*
- *NẼO VỀ TÂM LINH*
- *NGỌN NỀN NÀO KHÔNG TẮT*
- *NHỊP CẦU TƯƠNG TRI*

Thật vậy, đừng quên **kể chuyện** trong khi bình giảng thánh giáo, nhưng phải chọn lựa những chuyện thích hợp. Nữ nghệ sĩ kiêm tác gia danh tiếng Erin Morgenstern (người Mỹ, sinh năm 1978) nói về hiệu ứng (tác dụng) kỳ diệu của việc kể chuyện như sau:

*Quý bạn có thể kể một câu chuyện và chuyện đó ngự trị trong tâm hồn người nghe, trở thành máu của họ, bản thân họ, và mục đích đời họ. Câu chuyện đó sẽ làm họ xúc động, sẽ thúc đẩy họ, và ai mà biết được họ có thể*

*hành động vì nghe câu chuyện đó, vì những lời lẽ bạn kể. Đó là vai trò của quý bạn, món quà của quý bạn.*

(You may tell a tale that takes up residence in someone's soul, becomes their blood and self and purpose. That tale will move them and drive them and who knows that they might do because of it, because of your words. That is your role, your gift.)

## 2. Thiên nhân hiệp nhất

Để vượt qua khó khăn, trở ngại trong lúc thi hành đặc nhiệm, người Phổ Tế Lưu Động **không bao giờ đơn độc.**

Ơn Trên từ bi ban trao vô vàn thánh giáo để cứu độ chúng sanh, lại cần con người tận tụy bình giảng thánh giáo để phổ truyền thánh giáo. Không có con người phổ truyền thánh giáo thì cả kho báu lời Tiên tiếng Phật không được xương minh, không phát huy được công dụng diệu mầu.

Thế nên, Thiên Liêng lúc nào cũng cần có con người hợp tác để cùng nhau vận chuyển bánh xe tiến hóa của càn khôn thế giới; đồng thời, con người trên đường phụng sự Thiên cơ luôn luôn được Thiên Liêng soi dẫn và phù trợ.

Thật vậy, tu học và hành đạo trong đạo Cao Đài luôn luôn có sự ứng nghiệm mầu nhiệm của quy luật **Thiên nhân hiệp nhất** theo hai chiều hỗ tương từ Trời đến người và từ người đến Trời.

Từ người đến Trời:

Tại thánh thất Trung Quang, ngày 02-5 Mậu Dần (30-5-

1938), Đức Quan Thánh Đế Quân dạy:

*Có Trời cũng có người thêm sức  
Người hiệp cùng Trời mới đủ tay.*

Từ Trời đến người:

Tại thánh tịnh Đại Thanh, ngày 01-8 Giáp Tuất (09-9-1934), Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:

*Gánh mới Đạo, hy sinh vì Đạo  
Thương hơn sanh hoài bão hơn sanh  
Trời đâu phụ kẻ tâm thành...*

Hãy tin chắc như vậy trong suốt quãng đời tu học và hành đạo. Trọn lòng hy sinh cho Đạo, không ngừng khiêm tốn học hỏi để trau dồi năng lực, luôn luôn rèn luyện tâm hạnh cho được thuần chân vô ngã để dâng hiến trọn vẹn tâm lực, tài tuệ của mình phụng sự đặc nhiệm Phổ Tế, chắc chắn người con áo trắng **sẽ nhận được ơn Trời.**

*“Thầy đã đưa tay đến với các con, các con phải đưa tay tới với Thầy.”* Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, ngày 30-12 Giáp Dần (10-02-1975)

Trên bước đường thi hành đặc nhiệm được Hội Thánh tin cậy phó thác, xin hãy luôn luôn cầu nguyện cho nhau để xứng đáng tiếp nhận được ơn soi dẫn và phù trợ của Thầy Mẹ cũng như hăng hà Thần Thánh, Tiên Phật trong Kỳ Ba đại ân xá.

## PHỤ LỤC

Bổ sung cho một số điều cần lưu ý khi bình giảng thánh giáo, như đã trình bày ở phần trước, sau đây tôi trích lại hai bài đã in trong quyển *Một Góc Nhìn Văn Hóa Cao Đài* (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2011, tr. 23-30, và 188-200):

- *Geya: Dấu Ấn Của Đạo Phật Trong Thánh Giáo Cao Đài*

- *Vài Biện Pháp Tu Từ Trong Thánh Giáo Cao Đài*

Tôi chân thành cảm ơn:

- Hiền huynh Nguyễn Công Khánh (Phó Đoàn 2, Đoàn Phổ Tế Lưu Động) cho phép trích và in lại đây bài *Đôi Nét Giới Thiệu Đoàn Phổ Tế Lưu Động Thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài*.

- Hiền huynh Nguyễn Thế Tuấn (Trưởng Ban Phổ Tế, thánh thất Trung Hải, Đà Nẵng) đã tặng các ảnh chụp buổi sinh hoạt của Đoàn Phổ Tế Lưu Động tại thánh thất Từ Vân (Phú Nhuận) ngày 05-3-2016.

## GEYA: DẤU ẤN CỦA ĐẠO PHẬT TRONG THÁNH GIÁO CAO ĐÀI

Đức Phật Thích Ca có mười tôn hiệu: *Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn*.

Trong đó, tôn hiệu thứ tám là *Thiên Nhân Sư* (bậc thầy của cả cõi người và cõi trời). Vị thầy siêu phàm ấy áp dụng một nghệ thuật sư phạm riêng trong suốt bốn mươi lăm năm hoằng giáo độ nhân trước khi nhập niết bàn.

Theo kinh *Đại Bát Niết Bàn*, Đức Phật từng cho môn đệ biết phần nào nghệ thuật sư phạm của Ngài:

*Như mười hai bộ kinh mà ta đã từng thuyết, có khi ta nương theo ý ta mà thuyết, có khi ta nương theo ý người mà thuyết, lại có khi ta vừa nương theo ý ta và ý người mà thuyết.*<sup>(1)</sup>

Mười hai bộ kinh cũng gọi thập nhị đại thừa kinh, là mười hai thể loại kinh đại thừa.<sup>(2)</sup>

<sup>(1)</sup> Đoàn Trung Còn, *Phật Học Từ Điển*, ba quyển. Sài Gòn: Phật Học Tông Thư, 1963, tr. 1310, mục từ *Thuyết*.

<sup>(2)</sup> William Edward Soothill và Lewis Hodous cùng các người

Theo kinh *Đại Bát Niết Bàn*, mười hai bộ kinh hay thể loại kinh đại thừa gồm có:

1. *Sūtra*: tu đa la, kệ kinh, kinh trường hàng.
2. *Geya*: kỳ dạ, trùng tụng, ứng tụng.
3. *Vyākaraṇa*: thọ ký.
4. *Gāthā*: phúng tụng, cô khởi tụng.
5. *Udāna*: tự thuyết.
6. *Nidāna*: nhơn duyên.
7. *Avadāna*: thí dụ.
8. *Itivṛttaka*: bản sự.
9. *Jātaka*: bản sanh.
10. *Vaipulya*: phương quảng.
11. *Adbhuta-dharma*: vị tăng hữ.
12. *Upadesa*: luận nghị, thuyết về lý luận.<sup>(3)</sup>

*Sūtra* được Đức Phật diễn đạt bằng văn xuôi. Sau khi được các đại đệ tử kết tập, kệ kinh thường mở đầu bằng công thức *Như thị ngã văn*; và thường kết thúc bằng công thức *Hoan hỷ phụng hành*.

---

khác, *Trung-Anh Phật Học Từ Điển. Dictionary of Chinese Buddhist Terms*. Đài Bắc: Phật Giáo Văn Hóa Phục Vụ Xứ, 1962, tr. 44a, mục từ *Thập Nhị Bộ Kinh*.

<sup>(3)</sup> *Kinh Đại Bát Niết Bàn*, Tập 1, Thích Trí Tịnh dịch, 1996, tr. 489; và Đoàn Trung Còn, *sách đã dẫn (sđd)*, tr. 1169, mục từ *Thập Nhị Đại Thừa Kinh*. Tuy nhiên Soothill, *sđd*, tr. 44a-b, mục từ *Thập Nhị Bộ Kinh*, liệt kê với một thứ tự khác hơn trên đây.

Kinh *Đại Bát Niết Bàn* chép một thí dụ về kệ kinh như sau:

*Phật bảo các tỳ kheo, ngày xưa ta cùng các ông ngu si không trí huệ, chẳng thể thấy bốn chân để đứng như thật, nên lưu chuyển mãi trong biển khổ sanh tử. Bốn chân để là: khổ đế, tập đế, diệt đế, và đạo đế.<sup>(4)</sup>*

Đức Phật dạy xong, có một số người đến chậm, không kịp nghe lời ấy. Kinh *Đại Bát Niết Bàn* thuật:

*Ngày xưa Đức Phật vì các tỳ kheo nói kệ kinh xong lại có hàng chúng sanh căn trí sáng tỏ, vì muốn nghe pháp nên đến chỗ Phật, hỏi mọi người: Đức Như Lai vừa rồi nói gì?<sup>(5)</sup>*

Câu hỏi “Đức Như Lai vừa rồi nói gì?” của những người đến trễ tuy không trực tiếp bạch với Đức Phật, nhưng Ngài vẫn biết được lòng chúng sanh (*tha tâm thông*), nên đã “*nuơng theo ý người mà thuyết*” lần nữa.

Tuy nhiên, để những người vừa mới nghe thuyết pháp khỏi nhàm chán, Đấng Thiên Nhân Sư không nhắc lại lời dạy bằng văn xuôi mà dùng *kệ* (văn vần). Kinh *Đại Bát Niết Bàn* chép:

*Lúc đó Phật vì hàng chúng sanh ấy đem kinh vừa giảng nói thành kệ tụng:*

---

<sup>(4)</sup> *Kinh Đại Bát Niết Bàn, sđd*, tr. 489, 490.

<sup>(5)</sup> *Kinh Đại Bát Niết Bàn, sđd*, tr. 490.

Ta xưa cùng các ông,  
Chẳng thấy bốn chân đế,  
Nên phải lưu chuyển mãi,  
Trong biển khổ sanh tử.  
Nếu thấy được bốn đế,  
Thời dứt đặng sanh tử,  
Sanh tử đã hết rồi,  
Chẳng còn thọ thêm nữa.<sup>(6)</sup>

Theo kinh Đại Bát Niết Bàn, kệ tụng trên gọi là:

- Kệ *dạ*: phiên âm từ *Geya* (tiếng Sanskrit).
- *Trùng tụng*: tụng lại lần nữa.
- *Ứng tụng*: Đức Phật nương theo ý chúng sanh mà thuyết pháp lại.<sup>(7)</sup>

\*

<sup>(6)</sup> *Kinh Đại Bát Niết Bàn, sđd*, tr. 490.

Theo Đoàn Trung Còn, *sđd*, tr. 134, mục từ *Kỳ Dạ*, bài kệ như sau: *Ngã tích dữ như đặng / Bất kiến tứ chân đế / Thị cố cứu lưu chuyển / Sanh tử đại khổ hải / Nhược năng kiến tứ đế / Tắt đắc đoạn sanh tử / Sanh hữu ký dĩ tận / Cánh bất thọ chư hữu. 我昔與汝等 / 不見四真諦 / 是故久流轉 / 生死大苦海 / 若能見四諦 / 必得斷生死 / 生有既已盡 / 更不受諸有*

<sup>(7)</sup> Vì thể loại *kỳ dạ* (văn vần) nối tiếp *tu đa la* (văn xuôi), nên Soothill giảng *geya* là: “repeats the ideas of preceding prose passage; preceding prose repeated in verse; repetition in verse of a prose section.” (*sđd*, tr. 225a, 311a, 317.)

Theo sử quan Cao Đài, lịch sử triết giáo nhân loại gồm ba thời kỳ (tam kỳ, tam nguyên):

Nhất Kỳ Phổ Độ từ thời thượng cổ tới khoảng nửa đầu thế kỷ 7 trước Công Nguyên (TCN). Đức Nhiên Đăng Cổ Phật và Moses (Do Thái Giáo)... thuộc Nhất Kỳ Phổ Độ.

Nhị Kỳ Phổ Độ từ nửa sau thế kỷ 7 TCN tới nửa đầu thế kỷ 19. Các tôn giáo tiêu biểu trong kỳ phổ độ lần thứ hai gồm: Thích Ca Giáo, Ki Tô Giáo, Hồi Giáo, Bái Hỏa Giáo...<sup>(8)</sup>

Tam Kỳ Phổ Độ từ nửa sau thế kỷ 19 trở đi.

Thời đại Đức Phật Thích Ca là Nhị Kỳ Phổ Độ. Tinh hoa đạo Phật Nhị Kỳ Phổ Độ được thừa kế và phát huy trong Tam Kỳ Phổ Độ qua phương tiện là đạo Cao Đài. Nói cách khác, bên cạnh đạo Nho (Khổng) và đạo Tiên (Lão), đạo Phật (Thích) đã có dấu ấn trong đạo Cao Đài. Người nghiên cứu tùy theo định hướng sẽ tìm thấy những dấu ấn của Tam Giáo trong Cao Đài ở nhiều mặt khác nhau.

Về mặt thuyết pháp, một dấu ấn của đạo Phật là thể loại *trùng tụng* được tái hiện trong thánh giáo Cao Đài, phối hợp thể thơ lục bát hay song thất lục bát của người Việt.

<sup>(8)</sup> Quan niệm về trục lịch sử của Karl Jaspers (1883-1969) phần nào khá trùng hợp với quan niệm Nhị Kỳ Phổ Độ của Cao Đài. Xem *axe de l'histoire* trong *Introduction à la Philosophie*, Jeanne Hersch dịch, Paris: Plon, 1961, từ tr. 136; hoặc xem *thời trục* trong *Triết Học Nhập Môn*, Lê Tôn Nghiêm dịch, Sài Gòn: Trung Tâm Học Liệu, 1969, từ tr. 109.

Để dẫn chứng, có thể tham khảo *Thánh Giáo Sư Tập* năm Bính Ngọ và Đinh Mùi (1966-1967).<sup>(9)</sup> Đức Ngôi Hai Giáo Chủ Ngô Minh Chiêu,<sup>(10)</sup> tại thánh thất Nam Thành,<sup>(11)</sup> ngày 13-02 Bính Ngọ (04-3-1966), đã dùng văn xuôi “*để giải thích danh từ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam.*”<sup>(12)</sup>

Trích một đoạn (giải chữ Lý):

*Chữ Lý nơi đây cần hiểu rõ thêm rằng, từ thuở chưa dựng nên trời đất, ở trong khoảng không gian có một khối khí thanh, mờ mịn, yên lặng, trống không, mà vẫn vẫn khắp chốn. trong cái khối ấy có một điểm sáng, đó là Lý, mà cũng là ngôi Thái Cực. Lý biến hóa âm dương. Âm dương ngưng tụ tạo thành càn khôn vạn vật.*

<sup>(9)</sup> Sài Gòn: Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 1968, tr. 37-43. Tái bản tại Nxb Tôn Giáo (Hà Nội, 2010, tr. 69-79).

<sup>(10)</sup> Thế danh Ngô Văn Chiêu (1878-1932). Xem thêm: Huệ Khải, *Ngô Văn Chiêu – Người Môn Đệ Cao Đài Đầu Tiên*. Song ngữ Việt-Anh. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2008, 2009, 2012. (Quyển số 2 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Cao Đài.)

<sup>(11)</sup> Nay ở số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, quận 1.

<sup>(12)</sup> Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam thành lập năm Ất Ty (1965), không thuộc một hội thánh, tổ chức nào; không thu nhận tín đồ, không lập thành hàng ngũ chức sắc, nên cũng không phải là một chi phái. Đứng đầu là Tổng Lý Minh Đạo. Danh xưng hiện nay là Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo (số 171B Công Quỳnh, quận 1).

*Lão Tử tạm gọi là Đạo, vì sự cao siêu mầu nhiệm, biến hóa vô cùng, gượng kêu là Đại Đạo. Lý là Đại Đạo...*<sup>(13)</sup>

Hơn nửa tháng sau đàn cơ dẫn trên, tại thánh tịnh Ngọc Minh Đài,<sup>(14)</sup> ngày 01-3 Bính Ngọ (22-3-1966), Đức Ngô “*còn muốn giải thích bằng loại ngâm khúc*”, với mục đích “*phổ biến cho toàn Đạo dễ đọc, dễ nhớ*”.<sup>(15)</sup>

Trích một đoạn (trùng tụng chữ Lý) như sau:

*Thuở chưa dựng nên ngôi trời đất,  
Khoảng không gian mịn mịn mờ mờ,  
Hồn nhiên một khối ban sơ,  
Vần vần luân chuyển gồm cơ nhiệm mầu.  
Khí khinh khinh rộng sâu tỏa khắp,  
Ánh huyền huyền bền chặt lưu hành,  
Vô hình, vô tình, vô danh,  
Cưỡng viết Đại Đạo<sup>(16)</sup> hóa sanh vô cùng.  
Tượng một điểm trụ trung duy nhứt,  
Là Lý, ngôi Thái Cực Thánh Hoàng,*

<sup>(13)</sup> *Thánh Giáo Sư Tập 1966-1967*: bản in Hà Nội 2010, tr. 69.

<sup>(14)</sup> Nay ở số 22 Nguyễn Khoái, quận 4, thuộc Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên.

<sup>(15)</sup> *Thánh Giáo Sư Tập 1966-1967*: bản in Hà Nội 2010, tr. 72.

<sup>(16)</sup> Lão Tử, *Đạo Đức Kinh*, Chương 25: Ta không biết tên là gì, đặt tên chữ cho Nó là Đạo, gượng ép vì Nó gọi tên là Đại. (Ngô bát tri kỳ danh, tự chi viết Đạo, cưỡng vì chi danh viết Đại. 吾不知其名, 字之曰道, 強爲之名曰大.)

*Vận hành phân khí tạo đoan,  
Âm dương ngưng tụ thể gian lập thành...*<sup>(17)</sup>

Giữa những năm 1930, thể trùng tụng đã thấy trong *Đại Thừa Chơn Giáo*. Chẳng hạn, ngày 02-8 Bính Tý (1936),<sup>(18)</sup> Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy:

*Đạo là gì? Đạo là hư vô chi khí. Đạo rất mầu nhiệm,  
sâu kín cao siêu. Trước khi chưa có trời đất đã có Đạo.  
Vậy Đạo đã tạo dựng nên càn khôn vũ trụ, hóa sanh vạn  
vật muôn loài. Muôn loài vạn vật phải thọ bẩm khí hư vô  
mà sanh hóa mãi.*

Lời trùng tụng (thể lục bát) cho đoạn văn trên:

*Đạo mầu sản tạo càn khôn  
Hư vô chi khí Chí Tôn chương quyền  
Hóa sanh Phật Thánh Thần Tiên  
Muôn loài vạn vật lưu truyền tử chung  
Đạo vô tận, Đạo vô cùng  
Đạo là Mẹ đẻ khắp chung muôn loài.*

Tóm lại, nhờ trùng tụng, một vấn đề uyên áo được giảng thêm lần nữa; văn vần soi chiếu văn xuôi, văn xuôi giải lý

văn vần, hai chiều tương tác giúp con người dễ lãnh hội ý nghĩa sâu kín của thánh giáo.

Là một nghệ thuật thuyết pháp của Đức Phật, trùng tụng được vận dụng lại trong thánh giáo Cao Đài với thể thơ lục bát hoặc song thất lục bát nhuần nhuyễn Việt Nam. Điều này ít nhiều góp phần cho thấy một khía cạnh về tính dân tộc của đạo Cao Đài. Người nghiên cứu Cao Đài có thể khảo lại kinh sách Cao Đài để tiếp tục xác định thêm nhiều vấn đề khác, như:

- Trùng tụng lần đầu tiên được tái hiện trong thánh giáo Cao Đài khi nào?

- Ngoài lục bát và song thất lục bát, còn có thể thơ nào khác?

- Tìm dấu ấn của đạo Phật trong Cao Đài, ngoài các mặt giáo lý, nghi lễ, giới luật, v.v... vẫn còn có thể khai thác thêm một số chiều hướng khác, mà bài này là một thí dụ.

12-6-1996

<sup>(17)</sup> *Thánh Giáo Suu Tập 1966-1967*: bản in Hà Nội 2010, tr. 72-73.

<sup>(18)</sup> *Đại Thừa Chơn Giáo*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2011, tr. 38-39. (Quyển số 36 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Cao Đài.)

# VÀI BIỆN PHÁP TU TỪ TRONG THÁNH GIÁO CAO ĐÀI

Kinh điển các tôn giáo truyền từ nước ngoài vào Việt Nam thường phải qua một hoặc vài lần phiên dịch, thí dụ, dịch từ tiếng Ấn Độ (*Sanskrit* hay *Pali*) sang tiếng Hán, rồi từ Hán dịch sang Việt; dịch từ tiếng *Hebrew* sang La-tinh, rồi từ La- tinh dịch sang tiếng Việt...

Là tôn giáo ra đời ở Việt Nam từ những năm 20 thế kỷ 20, đạo Cao Đài qua phương tiện cơ bút, đã trực tiếp dùng tiếng Việt dạy đạo cho người Việt. Đó là một trong nhiều yếu tố cho thấy tính dân tộc của đạo Cao Đài. Nhà ngôn ngữ học có thể khảo sát dòng tiếng Việt này và phát hiện ít nhiều đặc trưng độc đáo, chẳng hạn như một số biện pháp tu từ.

## 1. Biện pháp nhấn mạnh bằng một mạo từ

Chỉ sự vật cụ thể và một số động vật, người Việt dùng mạo từ **cái**, thí dụ:

- **cái nhà**, **cái ghé** (tĩnh vật);
- **cái cò**, **cái vạc**, **cái kiến** (động vật, côn trùng)...

Với danh từ trừu tượng, không dùng mạo từ *cái*, thí dụ: **sự học**, **việc học**, **chuyện công danh**, **sự công danh**, **sự nợ nần**, **việc nợ nần**...

• **Cái** đứng trước danh từ trừu tượng để nhấn mạnh, thí dụ:

- **Cái học** ngày nay đã hỏng rồi... (Tú Xương)
- **Cái công danh** là **cái nợ nần**. (Nguyễn Công Trứ)
- *Người ta hơn tớ **cái** phong lưu*... (Tản Đà)

• Trong thánh giáo Cao Đài, thí dụ:

- *Thương thân phải kíp tu trì,  
Để đem **cái** Đạo bù chì nước non.*<sup>(1)</sup>
- *Ta mến ta thương mới chỉ truyền,  
Giáo Tông tạm gác **cái** uy quyền;  
Chỉ còn sự đệ tình hơn thiệt,  
Tâm đó, lòng đây, bởi vạn duyên.*<sup>(2)</sup>

## 2. Biện pháp nhấn mạnh bằng hai mạo từ

• Tiếng Việt chấp nhận dùng cùng lúc hai mạo từ để tăng thêm ý nhấn mạnh, thí dụ:

- **Cái điều** bạc mệnh có chừa ai đâu? (Nguyễn Du)

<sup>(1)</sup> *Thánh Giáo Sư Tập Năm Nhâm Tý Và Quý Sửu (1972-1973)*. Sài Gòn: Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, tr. 42.

<sup>(2)</sup> *Thánh Giáo Sư Tập Năm Nhâm Tý Và Quý Sửu*, tr. 36.



- *Tớ cũng hơn ai **cái sự** nghèo.* (Tản Đà)
- ***Cái thứ** mưa dầm ở Huế...* (Nguyễn Tuân)
- Trong thánh giáo Cao Đài, thí dụ:
  - *Trước tiên mình phải hiểu mình,  
Sinh trong **cái cõi** nhân sinh làm gì?*<sup>(3)</sup>
  - *Xuống lên trong **cái cõi** đời,  
Để chi gặp đặng một thời xá ân.*<sup>(4)</sup>

### 3. Biện pháp nhấn mạnh bằng một mạo từ kèm với một từ chỉ lượng (lượng từ)

Chỉ lượng xác định, người Việt nói **một, hai, ba...**, thí dụ: **một** người, **một** nhà, **hai** ngày, **ba** năm....

Chỉ lượng bất định, người Việt nói **những**, thí dụ: **những** người, **những** nhà, **những** ngày, **những** năm...

- **Một** và **những** còn dùng để nhấn mạnh, thí dụ:
  - *Cả **một** đời Mạnh Tử khổ công làm việc nghĩa.*
  - *Họ đi vắng, không còn **một** ai cả.*
  - *Bé thế mà ăn được **những** năm sáu chén cơm à!*
  - *Đêm ngày lòng **những** giận lòng...* (Nguyễn Du)
  - *Khi mơ **những** tiếc khi tàn...* (Đoàn Thị Điểm)

<sup>(3)</sup> *Thánh Giáo Sư Tập Năm Nhâm Tý Và Quý Sửu*, tr. 69.

<sup>(4)</sup> *Thánh Giáo Sư Tập Năm Nhâm Tý Và Quý Sửu*, tr. 70.

- Trong thánh giáo Cao Đài, **cái** và **một, những** được kết hợp để “gấp đôi” ý nhấn mạnh, thí dụ:

- *Chỉ **một cái** tâm, tâm vũ trụ,  
Thoát ly vạn tướng phục nguơn thân.*<sup>(5)</sup>
- *Rằng ta là **một cái** ta chung,  
Lớn rộng bao la ở khắp cùng...*<sup>(6)</sup>

- **Những cái** tầm thường là những tầm thường chung của mọi người. **Những cái** phi thường cũng vẫn là phi thường chung của tất cả, chớ không dành riêng cho nữ hoặc nam.<sup>(7)</sup>

### 4. Biện pháp tách từ

Tiếng Việt có rất nhiều *từ kép* (thí dụ: *ân oán, hạnh phúc*) và *từ láy* (thí dụ: *vui vẻ, buồn bã*) để lời nói được êm tai, làm cho tiếng Việt rất giàu nhạc điệu. Chẳng hạn, nói “*nắng mai ấm*” cũng đủ nghĩa, nhưng nói “*nắng mai ấm áp*” thì nghe cân đối, nhịp nhàng và nhiều ấn tượng hơn. Ngoài tính cân đối này, người Việt còn tách từ để thể hiện tính đối xứng, tạo sự hài hòa về ngữ âm, có được tiết điệu và tăng thêm sức nhấn mạnh, thí dụ:

#### 4.1. Một từ xen giữa từ kép hay từ láy, thí dụ:

<sup>(5)</sup> *Thánh Giáo Sư Tập Năm Nhâm Tý Và Quý Sửu*, tr. 78.

<sup>(6)</sup> *Thánh Giáo Sư Tập Năm Nhâm Tý Và Quý Sửu*, tr. 78.

<sup>(7)</sup> *Thánh Giáo Sư Tập Năm Nhâm Tý Và Quý Sửu*, tr. 103.

- *Thấy nó học với hành mà chán!* [với + từ kép học hành]

- *Còn dẫn với đo làm gì nữa!* [với + từ láy dẫn đo]

• Trong thánh giáo Cao Đài, thí dụ:

- *Lân quân, loanh quanh, lên lại xuống,*  
*Trong vòng luân chuyển khổ cho thân.*<sup>(8)</sup>

[lại + từ kép lên xuống]

- *Chỉ có trường đời tranh với cạnh,*  
*Hiền ngu, khôn dại với hơn thua.*<sup>(9)</sup>

[với + từ kép cạnh tranh]

4.2. Một từ “cài răng lược” với từ kép hay từ láy, thí dụ:

- *sống khổ sống sở* [sống / sống + từ kép khổ sở]

- *ăn vội ăn vàng* [ăn / ăn + từ láy vội vàng]

- *Làm người phải dẫn phải đo,*  
*Phải cân nặng nhẹ, phải dò nông sâu.* (Ca dao)

[phải / phải + từ láy dẫn đo]

• Trong thánh giáo Cao Đài, thí dụ:

- *Mặt nhứt hồi mô thấy xẻ hai,*  
*Có thương mới biết đấng Cao Đài;*

**Cũng con cũng cái đồng môn đệ,**  
**Bụng muốn phân chia hỏi bởi ai?**<sup>(10)</sup>

[cũng / cũng + từ kép con cái]

4.3. Hai từ có quan hệ đối ứng “cài răng lược” với từ kép hay từ láy, thí dụ:

- **nay thương mai nhớ**

[từ đối ứng nay / mai + từ kép thương nhớ]

- **hồn xiêu phách lạc; xiêu hồn lạc phách**

[từ đối ứng xiêu / lạc + từ kép hồn phách]

- **Nhớ ai ra ngẩn vào ngơ,**

*Nhớ ai, ai nhớ, bây giờ nhớ ai?* (Ca dao)

[từ đối ứng ra / vào + từ láy ngẩn ngơ]

- **đi lẻ về loi** [từ đối ứng đi / về + từ láy lẻ loi]

• Trong thánh giáo Cao Đài, thí dụ:

- *Hỡi các con ơi rón chí bền,*

**Trước điu sau dặt ráng cho nên.**<sup>(11)</sup>

[từ đối ứng trước / sau + từ kép điu dặt]

- *Cõi vô thường kẻ đến trước người đến sau, kiếp nhơn sanh nay về mai ở.*<sup>(12)</sup> [từ đối ứng về / ở + từ kép nay mai]

<sup>(10)</sup> *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển I, đàn ngày 21-01-1926.

<sup>(11)</sup> *Thánh Giáo Suu Tập Năm Nhâm Tý Và Quý Sửu*, tr. 26.

<sup>(12)</sup> *Thánh Giáo Suu Tập Năm Canh Tuất Và Tân Hợi (1970-1971)*. Sài Gòn: Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, tr. 184.

<sup>(8)</sup> *Thánh Giáo Suu Tập Năm Nhâm Tý Và Quý Sửu*, tr. 30.

<sup>(9)</sup> *Thánh Giáo Suu Tập Năm Nhâm Tý Và Quý Sửu*, tr. 30.

**Nhận xét:** Lẽ thường phải nói *nay ở [sống] mai về [chết]*, mượn ý câu *sinh ký tử quy (sống gửi thác về)*. Tuy nhiên, cách nói *nay về mai ở* hoàn toàn phù hợp với kiểu nói “trở trêu” của người Việt, như: *con ông cháu cha, cao chạy xa bay, tai nơ mắt điếc...*

**Lưu ý:** Trong thánh giáo Cao Đài, có một dạng khác hơn các biện pháp tu từ “cài răng lược” nói trên, đó là:

- (a) xen kẽ một từ kép với từ láy;
- (b) xen kẽ một từ kép với từ đối ứng, hay là
- (c) xen kẽ một từ kép với một từ kép khác.

Thí dụ:

- *Mẹ vẫn biết các con đứa nào cũng đã lỡ mang **duyên trần nghiệp tục, sớm liệu chiều lo***.<sup>(13)</sup>

[từ kép *duyên nghiệp* + từ kép *trần tục*;  
từ đối ứng *sớm chiều* + từ kép *lo liệu*]

- *Vì sao **xẻ mún chia manh**,  
Đã chia thì khó, khó đành mượn vay*.<sup>(14)</sup>

[từ kép *xẻ chia* + từ láy *manh mún*]

- *Đó là nguyên nhân nảy sinh ra nhiều hình thức hành đạo mà ngày nay các em hằng nói là **chia chi rẽ phá***.<sup>(15)</sup>

[từ kép *chia rẽ* + từ kép *chi phá*]

<sup>(13)</sup> *Thánh Giáo Sư Tập Năm Canh Tuất Và Tân Hợi*, tr. 4.

<sup>(14)</sup> *Thánh Giáo Sư Tập Năm Canh Tuất Và Tân Hợi*, tr. 59.

<sup>(15)</sup> *Thánh Giáo Sư Tập Năm Canh Tuất Và Tân Hợi*, tr. 142.

## 5. Đảo trật tự từ kép hay từ láy

• Một số từ kép hay từ láy không thể đảo ngược trật tự thành phần của nó, thí dụ: *bâng khuâng, giang san, bàng hoàng* không thể đảo ngược thành *khuâng bâng, san giang, hoàng bàng*.

Nhưng nhiều từ có thể đảo ngược, thí dụ: *xuyến xao / xao xuyến, suy nghĩ / nghĩ suy, soi sáng / sáng soi, giữ gìn / gìn giữ, non nước / nước non...* Biện pháp đảo ngược này làm câu văn nhịp nhàng, hài hòa vần điệu, có giá trị nghệ thuật, thí dụ:

- *Ai ơi trẻ mãi ru mà,*

*Càng **đo đản** lắm càng già **mát duyên***. (Ca dao)

Không thể nói “*đản đo*” vì câu thơ bị sai luật bằng trắc.

- *Nhưng trong khoảnh khắc **ơ thờ** ấy,*

*Thấy cả muôn đời **hận biệt** ly*. (Thế Lữ)

Nói *thờ ơ* thì câu thơ nghe kém ngay, điều này có lẽ phải được “thâm âm” bằng... lỗi tai thơ.

• Trong thánh giáo Cao Đài, thí dụ:

- *Chơn lý là gì? Một câu hỏi vồn vện **chùng ấy** mà hàm súc tất cả quan niệm về lý đạo **triết minh***.<sup>(16)</sup>

Nói *minh triết*, khi đọc tiếng trắc (*triết*) ở cuối câu văn dài, nghe như bị “nghe” lại, câu văn như “đoản hậu”.

<sup>(16)</sup> *Thánh Giáo Sư Tập Năm Canh Tuất Và Tân Hợi*, tr. 175.

• Một biện pháp tu từ khác trong thánh giáo Cao Đài là kết hợp một từ đảo ngược (thí dụ: *điên đảo*) cùng với nguyên thể (*đảo điên*) của từ đó. Thí dụ:

- **Tử sanh, sanh tử** đâu là,  
*Nặng lo thể xác, khó qua luân hồi.*<sup>(17)</sup>

- *Nhìn qua một lượt đời người và muôn loại chẳng đặng an bình, mãi **xâu xé xé xâu**, mãi **trắng đen đen trắng**...*<sup>(18)</sup>

- *Thế sự ngày nay không là ngày xưa, cuộc diện đã **đổi thay** lại càng thêm **thay đổi**.*<sup>(19)</sup>

- *Đổi cảnh sinh tình, tình sinh phiền não, phiền não sinh oan nghiệt, oan nghiệt buộc trói con người vào vòng **vay trả trả vay**.*<sup>(20)</sup>

- *Nhìn xem thế sự, trước mắt bao nhiêu việc **đổi thay** thay đổi, luật tuần hoàn **luân chuyển chuyển luân**...*<sup>(21)</sup>

- *Dòng đời cám dỗ rủ ren em,*

**Sanh tử tử sanh, ấy cũ mèm;**

**Lên xuống, xuống lên, lên xuống** mãi,

*Luân hồi chuyển kiếp khổ thân em.*<sup>(22)</sup>

<sup>(17)</sup> *Thánh Giáo Sưu Tập Năm Nhâm Tý Và Quý Sửu*, tr. 41.

<sup>(18)</sup> *Thánh Giáo Sưu Tập Năm Canh Tuất Và Tân Hợi*, tr. 52.

<sup>(19)</sup> *Thánh Giáo Sưu Tập Năm Canh Tuất Và Tân Hợi*, tr. 53.

<sup>(20)</sup> *Thánh Giáo Sưu Tập Năm Canh Tuất Và Tân Hợi*, tr. 107.

<sup>(21)</sup> *Thánh Giáo Sưu Tập Năm Canh Tuất Và Tân Hợi*, tr. 184.

<sup>(22)</sup> *Thánh Giáo Sưu Tập Năm Canh Tuất Và Tân Hợi*, tr. 117.

Biện pháp tu từ này có công dụng: nhấn mạnh về lời và ý mà không phải điệp ngữ; tạo âm điệu cân xứng, làm cho câu văn lời thơ thêm giàu nhạc điệu; diễn tả sự dai dẳng liên miên của một tình thế; hoặc cho thấy một sự việc mãi **lặp đi lặp lại**, hoặc trong vòng lẩn quẩn, hoặc mang tính ráo riết, ngày một gay go hơn.

## 6. Tạo hình trong thánh giáo Cao Đài

Qua nghệ thuật tạo hình (tượng hình) thánh giáo Cao Đài, đạo lý trừu tượng được thể hiện bằng những hình ảnh cụ thể, tinh xác. Thí dụ:

- *Đừng bao giờ con nhọc tâm suy nghĩ đường này cao, nẻo kia thấp. **Sự thấp cao chỉ ở trong lòng con cũng như biển sâu non cao ở trong vũ trụ.***<sup>(23)</sup>

- *Hỡi các con, **rừng có cây cao cây thấp, con có đũa đỡ đũa hay**...*<sup>(24)</sup>

- *Nhơn sanh là **con thuyền**, thế đời là **biển động**.*<sup>(25)</sup>

• Chân lý tuyệt đối chỉ có một, là Đạo. Tất cả các tôn giáo dù khác nhau ở hình tướng nhưng đều có công dụng là phương tiện để đưa con người tới cứu cánh là Đạo. Diễn tả tương quan tôn giáo và Đạo, thánh giáo Cao Đài có câu:

- *Tôn giáo là **con thuyền** đưa khách mà Đạo là **bến đỗ**.*

<sup>(23)</sup> *Thánh Giáo Sưu Tập Năm Nhâm Tý Và Quý Sửu*, tr. 27.

<sup>(24)</sup> *Thánh Giáo Sưu Tập Năm Nhâm Tý Và Quý Sửu*, tr. 185.

<sup>(25)</sup> *Thánh Giáo Sưu Tập Năm Canh Tuất Và Tân Hợi*, tr. 53.

Các con thuyền cuối cùng cũng xuôi về bến đỗ.<sup>(26)</sup>

**Lưu ý:** Tiếng Việt mượn cách diễn tả thời gian của ngôn ngữ Trung Hoa, và đã có cách ví: *bóng câu cửa sổ*, mượn từ chữ Hán *bạch câu quá khích*, gọi tắt là *câu ảnh, khích câu*.<sup>(27)</sup> Thí dụ:

- *Tàn ác thời gian giục vó câu.* (Đình Hùng)

Leo Tolstoy nhìn thời gian chuyển động theo con mắt cơ giới, nên viết:

- *Thời gian là sự chuyển động khôn cùng chẳng một phút giây ngưng nghỉ.* (Chiến Tranh Và Hòa Bình)<sup>(28)</sup>

Ralph Hodson có lẽ nặng tình du cư nên diễn tả thời gian bằng hình ảnh như sau:

- *Thời gian, ơi lão già du cư,*

*Có bao giờ người dừng lại,*

*Có bao giờ người thử nán cuộc lữ dài,*

*Dù chỉ một ngày?*<sup>(29)</sup>

• Góp phần giàu đẹp cho tiếng Việt là cách thánh giáo Cao Đài tả thời gian, bằng hình ảnh rất sáng tạo, thí dụ:

- *Những hạt chuỗi thời gian trôi qua theo ngón tay Tạo*

---

<sup>(26)</sup> *Thánh Giáo Suu Tập Năm Canh Tuất Và Tân Hợi*, tr. 167.

<sup>(27)</sup> 白駒過隙; 駒影; 隙駒.

<sup>(28)</sup> *Time is infinite movement without one moment of rest.*

<sup>(29)</sup> *Time, you old gipsy man, / Will you not stay, / Put up your caravan, / Just for one day?*

Hóa.<sup>(30)</sup>

Tạo Hóa đang lần tràng hạt thời gian, đều đặn. Một hạt chuỗi lăn qua ngón tay Tạo Hóa, một đơn vị thời gian trôi qua, không theo đường thẳng mà theo chuyển động vòng tròn, giáp hết một vòng sẽ trở lại chỗ ban đầu.<sup>(31)</sup> Hình tượng độc đáo này còn được vận dụng linh hoạt như sau:

- *Nếu con mãi lo âu thế sự,*

*Mang nghiệp trần lành dữ đeo đai;*

*Xuân sang xuân vẫn còn hoài,*

**Chuỗi đời đếm hạt không tài vượt qua.**<sup>(32)</sup>

- *Đông sắp mãn thì xuân lại đến,*

**Hạt chuỗi đời định mệnh lần qua;**

*Trăm năm gấm có bao là,*

*Hỡi con sứ mạng Kỳ Ba thế nào?*<sup>(33)</sup>

Nghiên cứu các biện pháp tu từ trong thánh giáo Cao Đài, ngoài những điểm tiêu biểu nêu trên còn có thể thấy thêm nhiều dạng khác, chẳng hạn:

## 7. Chuyển từ loại

Thí dụ, *danh từ* [dt] chuyển thành *tính từ* [tt]:

---

<sup>(30)</sup> *Thánh Giáo Suu Tập Năm Canh Tuất Và Tân Hợi*, tr. 9.

<sup>(31)</sup> *Chu nhi phục thủy.* 周而復始.

<sup>(32)</sup> *Thánh Giáo Suu Tập Năm Canh Tuất Và Tân Hợi*, tr. 3.

<sup>(33)</sup> *Thánh Giáo Suu Tập Năm Nhâm Tý Và Quý Sửu*, tr. 186.

- Xuân đến lòng trong khắp mọi người,  
Sang hèn thanh trước cũng vui chơi;  
Lẽ đâu **xuân** [dt] chỉ **xuân** [tt] chùng ấy,  
Mà nợ tang bồng quên đáy thoi.<sup>(34)</sup>

- Thượng Đế Chí Tôn đã mở con đường cho nhân loại  
trở về với Thượng Đế: **con người** [dt] cho thiết **con người**  
[tt].<sup>(35)</sup>

## 8. Cách điệp ngữ nhấn mạnh

### 8.1. Kiểu liên châu, thí dụ:

- Ôi **Thiên cơ**, **Thiên cơ** là huyền diệu... (Cao Đài Tiên Ông)

- ... thì **các con**, **các con** phải hiểu thông lẽ Đạo ấy... (Vô Cực Từ Tôn)

- Nó là **một lẽ**, **một lẽ** cố định từ vô thủy đến vô chung...  
(Quan Âm Bồ Tát)

- Nhấp chén trà sen vị ngọt ngào,  
Hương xuân nồng ấm thú tiêu dao;  
Kìa **hoa**, **hoa** nở vì ai đó,  
Theo luật sinh tồn Đấng tối cao.<sup>(36)</sup>

- Rằng ta là một cái ta chung,

<sup>(34)</sup> *Thánh Giáo Sư Tập Năm Canh Tuất Và Tân Hợi*, tr. 18.

<sup>(35)</sup> *Thánh Giáo Sư Tập Năm Nhâm Tý Và Quý Sửu*, tr. 38.

<sup>(36)</sup> *Thánh Giáo Sư Tập Năm Nhâm Tý Và Quý Sửu*, tr. 18.

Lớn rộng bao la ở khắp cùng;  
Ta chẳng có ta mà vẫn có,  
Có **ta**, **ta** cũng chỉ tâm trung.<sup>(37)</sup>

- Kìa **xem**, **xem** lại cõi trần,  
Triền miên giấc mộng phù vân chập chùng.<sup>(38)</sup>

### 8.2. Kiểu gián cách bằng một từ nối, thí dụ:

- Đời sống con người là một phức tạp rộng lớn, **xã hội**  
và **xã hội** quay quanh xoay động... (Đại Tiên Lê Văn Duyệt)

- Sự liên giao càng ngày càng sâu rộng, **tôn giáo** và **tôn**  
**giáo** càng gần gũi lại với nhau...<sup>(39)</sup>

\*

Noah Webster (1758-1843), nhà soạn từ điển người Mỹ, nói: “Ngôn ngữ, cũng như khả năng đàm thuyết, là tặng vật gần gũi của Thượng Đế.”<sup>(40)</sup> Như thế, thánh giáo Cao Đài đem lại cho người Việt một tặng vật ngôn ngữ với nhiều đặc trưng và không ít sáng tạo độc đáo mà qua lịch sử non

<sup>(37)</sup> *Thánh Giáo Sư Tập Năm Nhâm Tý Và Quý Sửu*, tr. 78.

<sup>(38)</sup> *Thánh Giáo Sư Tập Năm Nhâm Tý Và Quý Sửu*, tr. 41.

<sup>(39)</sup> *Thánh Giáo Sư Tập Mậu Thân Và Kỷ Dậu (1968-1969)*. Sài Gòn: Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, tr. 128.

<sup>(40)</sup> *Languages, as well as the faculty of speech, was the immediate gift of God.* dẫn theo Lewis C. Henry, *Best Quotations*. Connecticut: A Fawcett Premier Book, 1965, p. 126.

chín thập niên của nền Đạo, chưa có điều kiện được lưu ý để nghiên cứu, xiển minh trọn vẹn trên phương diện ngôn ngữ.

Albert Dauzat (1877-1955), nhà ngôn ngữ học người Pháp, viết: “*Ngôn ngữ là vật di sản truyền từ đời nọ qua đời kia. Mỗi thế hệ phải chịu trách nhiệm về di sản ấy đối với thế hệ sau.*”<sup>(41)</sup> Hiểu theo tinh thần đó, trong bối cảnh riêng của cộng đồng Cao Đài, nghiên cứu thánh giáo Cao Đài về phương diện ngôn ngữ – mà bài này chỉ mới tạm thời phác thảo rất sơ lược một vài cạnh khía tiêu biểu – phải chăng cũng là một việc không nhỏ?

*Viết lại, 11-7-1996*

*Bổ túc 16-8-2011*

---

<sup>(41)</sup> Trong lời tựa *Le Génie de la Langue Française*, dẫn theo Trương Văn Chình và Nguyễn Hiến Lê, *Khảo Luận Về Ngữ Pháp Việt Nam*. Sài Gòn: Đại Học Huế xb, 1963, tr. 700.

Đôi nét giới thiệu  
**ĐOÀN PHỔ TẾ LƯU ĐỘNG**  
thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài

**NGUYỄN CÔNG KHÁNH**

Nhằm mục đích yểm trợ cho sinh hoạt phổ tế ở các họ đạo, cơ sở đạo, kết hợp phổ biến các thông tin của Giáo Hội đến bốn đạo, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài đã chấp thuận cho Cơ Quan Phổ Tế tổ chức Đoàn Phổ Tế Lưu Động.

Từ lúc hình thành Đoàn Phổ Tế Lưu Động cho đến tháng 3-2016, thời gian đã được một năm, trong đó có ba tháng thực thi đạo sự phổ tế cùng với sinh hoạt tu học. Sau đây là đôi nét về Đoàn Phổ Tế Lưu Động thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài:

**1. Kế hoạch tổ chức Đoàn Phổ Tế Lưu Động**

Kế hoạch tổ chức Đoàn Phổ Tế Lưu Động do Cơ Quan Phổ Tế đệ trình đã được Hội Thánh chấp thuận trong phiên họp ngày 13-01 Ất Mùi (03-3-2015). Nội dung kế hoạch đã xác định mục đích, cơ cấu nhân sự điều hành, và các bước thực hiện. Hiện nay, thành phần điều hành Đoàn gồm có:



*Trưởng Đoàn:* Giáo Hữu THƯỢNG KHÓA THANH

*Phó Đoàn 1:* Đạo huynh NGUYỄN HUỆ QUANG

*Phó Đoàn 2:* Đạo huynh NGUYỄN CÔNG KHÁNH

## **2. Nội Quy Hành Đạo của Đoàn Phổ Tế Lưu Động**

Căn cứ kế hoạch đã được Hội Thánh phê chuẩn, Ban Điều Hành Lâm Thời đã soạn thảo Nội Quy Hành Đạo của Đoàn và được Cơ Quan Phổ Tế thông qua vào ngày 08-3 Ất Mùi (26-4-2015). Nội quy này ấn định các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của các thành viên và cách thức làm việc trong đoàn, cũng như đặt ra những tiêu chí cần thiết cho việc tuyển dụng thành viên Đoàn Phổ Tế Lưu Động.

## **3. Chiêu sinh**

Ngày 12-4 Ất Mùi (29-5-2015), đạo văn thông báo chiêu sinh số 48/PT-15 đã được Cơ Quan Phổ Tế gửi đến các họ đạo và cơ sở đạo. Sau hơn một tháng, có 46 hồ sơ xin dự tuyển từ 29 họ đạo và 2 cơ sở đạo, gồm 37 nam ứng viên và 9 nữ ứng viên.

Các hồ sơ đăng ký đã thể hiện tinh thần hăng hái phụng sự Giáo Hội của các nam nữ ứng viên. So với điều kiện dự tuyển có 13 hồ sơ không hợp lệ; tuy nhiên, trong tinh thần đìu dắt nhau trên đường tu học lập công, Cơ Quan Phổ Tế đã chấp nhận cho các ứng viên này được dự khảo tuyển.

## **4. Khảo tuyển giai đoạn 1**

Việc khảo tuyển giai đoạn 1 được tổ chức tại hai địa điểm là Trung Hưng Bửu Tòa (Đà Nẵng) và thánh thất Từ

Vân (Phú Nhuận, TpHCM). Các ứng viên phải thực hiện một bài viết trong thời gian 120 phút với một đề tài do Cơ Quan Phổ Tế đặt ra. Đây là bước khảo sát kiến văn, học nghiệm của các ứng viên. Các ứng viên cũng được yêu cầu thực hiện một Phiếu Tham Khảo về sở trường và điều kiện tham gia Đoàn Phổ Tế Lưu Động.

Kết quả giai đoạn 1 có 40 ứng viên được Cơ Quan Phổ Tế chấp thuận chuyển sang khảo tuyển giai đoạn 2.

## **5. Khảo tuyển giai đoạn 2**

Khảo tuyển giai đoạn 2 được tổ chức tại Trung Hưng Bửu Tòa vào hai ngày 30-7 và 01-8 Ất Mùi (12 và 13-9-2015), có 37 ứng viên tham gia. Ở giai đoạn này, các ứng viên đã được Hội Đồng Giám Khảo gồm sáu chức sắc đại diện của năm Cơ Quan trong Hội Thánh (Hành Chánh, Phước Thiện, Minh Tra, Phổ Tế, và Nữ Phái) “sát hạch” qua hai câu hỏi dành cho mỗi ứng viên: (a) Một câu do ứng viên chọn trong số 40 câu hỏi in sẵn; (b) Một câu hỏi trực tiếp từ Hội Đồng Giám Khảo. Thời gian trả lời hai câu hỏi này không quá 20 phút.

Hội Đồng Giám Khảo đã đánh giá kết quả dự tuyển của mỗi ứng viên qua nội dung phần trả lời hai câu hỏi, cách ứng xử tình huống và tác phong ứng viên khi xuất hiện trước đạo hữu.

Căn cứ kết quả khảo tuyển hai giai đoạn 1 và 2, Cơ Quan Phổ Tế chấp nhận cho 34 ứng viên bước tiếp sang giai đoạn 3: Tập huấn.

## 6. Giai đoạn 3: Tập huấn

Giai đoạn 3 được tổ chức tại Trung Hưng Bửu Tòa trong ba ngày 09, 10 và 11-10 Ất Mùi (20, 21, và 22-11-2015), có 30 ứng viên tham dự.

Trong giai đoạn này các ứng viên được trang bị bổ sung phần kiến thức, kỹ năng và đặt ra những yêu cầu cần có của người Phó Tế Lưu Động qua việc học tập và thảo luận các chủ đề sau: (a) Con đường trung đạo; (b) Vai trò Phó Tế; (c) Bản lĩnh cùng tác phong đạo hạnh của thành viên Phó Tế Lưu Động; (d) Tín, Nguyện, Hạnh của thành viên Phó Tế Lưu Động; (e) Kỹ năng thuyết trình; (f) Nội Quy Hành Đạo của Đoàn Phó Tế Lưu Động.

Sau phần học tập và thảo luận, các ứng viên thực hiện phần kiểm tra bằng cách trả lời 50 câu hỏi trắc nghiệm để kết thúc khóa tập huấn.

Các ứng viên đạt yêu cầu trọn ba giai đoạn được Cơ Quan Phó Tế cấp một Sổ Hành Đạo và một số tư liệu cơ bản làm hành trang bước vào hành trình phụng sự Giáo Hội với danh nghĩa thành viên Đoàn Phó Tế Lưu Động.

## 7. Hành đạo và học tập

Cuối năm 2015 tất cả 33 thành viên Đoàn Phó Tế Lưu Động (bao gồm thành phần điều hành) đã nhận nhiệm vụ giao phó của Hội Thánh nói chung và Cơ Quan Phó Tế nói riêng trên tinh thần: (a) Tôn trọng tổ chức; (b) Tự nguyện; (c) Tự giác; (d) Không ngại khó.

Và hứa nguyện: (a) Hành đạo trên tinh thần tích cực phụng sự; (b) Lấy Thuần Chân Vô Ngã làm phương châm tu tiến; (c) Giữ hạnh khiêm cung trong mọi giao tiếp xử sự; (d) Luôn cố gắng làm tròn bổn phận giữ đạo và truyền đạo của người tín đồ Cao Đài.

Sau khi nhận nhiệm vụ, từ ngày 11-10 Ất Mùi (22-11-2015), Đoàn Phó Tế Lưu Động đã nhận được yêu cầu yểm trợ từ các họ đạo như: Trung Thạnh, Hội An, Trung Đồng, Lý Sơn, Vệ Long Trung, Trung Hòa (Quảng Ngãi), và Ngọc Linh Đài. Sau đó Đoàn chỉ kịp thực hiện thuyết trình các đề tài trong mùa Chung Niên Sám Hối tại ba họ đạo (Trung Thạnh, Hội An, và Trung Đồng); bốn họ đạo còn lại phải hẹn qua năm Bính Thân.

Ngày 27-01 Bính Thân (05-3-2016), Đoàn tổ chức kỳ họp đầu tiên để ôn lại đạo sự sau ba tháng hành đạo đồng thời trang bị thêm một số kiến thức, kinh nghiệm học thánh giáo và kỹ năng truyền đạt thánh giáo đến đạo hữu.

Cùng ngày, Đoàn Phó Tế Lưu Động hân hạnh đón tiếp Anh Lớn Giáo Sư Thượng Văn Thanh (Chương Quản Cơ Quan Phó Tế Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài) đến thăm, khuyến khích, và tham gia sinh hoạt với Đoàn.

Xin cầu nguyện Thầy Mẹ và các Đấng thiêng liêng soi dẫn, Hội Thánh và nhân sanh hộ trì cho Đoàn Phó Tế Lưu Động hoàn thành nhiệm vụ trên đường hành đạo lập công.

*TM. Đoàn Phó Tế Lưu Động*  
**Phó Đoàn 2: NGUYỄN CÔNG KHÁNH**

## CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

ĐÃ XUẤT BẢN (từ tháng 6-2008):

- 1-3. **ĐẤT NAM KỲ – TIẾN ĐẾN VĂN HÓA MỞ ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008 [in 2 lần], 2012.
- 2-3. **NGŨ VĂN CHIÊU – NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN.** Huệ Khải, 2008, 2009, 2012.
- 3-2. **LỜI VÀNG SEN TRẮNG.** Bạch Liên Tiên Trưởng; Huệ Khải chú thích, 2008, 2009.
- 4-2. **LÒNG CON TIN ĐÁNG CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008, 2010.
- 5-3. **LUẬT NHÂN QUẢ THEO GIÁO LÝ CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008, 2010, 2012.
- 6-2. **ĐẤT NAM KỲ – TIẾN ĐẾN PHÁP LÝ MỞ ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008, 2010.
- 7-1. **CÁC THÁNH SỞ CAO ĐÀI TỈNH LONG AN.** Đạt Linh, Đạt Truyền, Huệ Khải, 2008.
- 8-2. **BỒI DƯỠNG ĐỨC TIN.** Bùi Văn Tâm, 2008, 2012.
- 9-2. **LỄ BỐN.** Cao Triều Phát soạn; Huệ Khải, Lê Anh Minh san nhuận 2008, 2009.
- 10-3. **CƠ DUYÊN VÀ TUỔI TRẺ.** Phạm Văn Liêm, 2009 [in 2 lần], 2012.
- 11-2. **NHỚ ĐẠT LINH.** Huệ Khải chủ biên, 2008, 2009.
- 12-3. **KINH CỨU KHỔ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- 13-1. **HỌC TẬP THÁNH GIÁO NĂM ẤT TỴ (1965).** Huệ Khải, Lê Anh Minh hiệp chú, 2009.
- 14-4. **ĐẠO ÁO TRẮNG.** Phạm Văn Liêm, 2009, 2010, 2016.
- 15-3. **TÌM HIỂU KINH SÁM HỐI.** Thanh Căn, Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- 16-2. **TÌM HIỂU NGỌC HOÀNG THIÊN TÔN BỬU CÁO.** Huệ Khải, 2009, 2010.
- 17-2. **THIỆN THƯ.** Lê Anh Minh, 2009, 2013.
- 18-2. **HƯƠNG QUẾ CHO ĐỜI.** Phạm Văn Liêm, 2009, 2012.
- 19-1. **XUÂN TRI ẮN.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2010.
- 20-2. **CÓ MỘT TÌNH THƯƠNG.** Bạch Liên Hoa, 2010, 2011.
- 21-2. **BA MÓN BÁU CỦA NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI.** Thanh Căn, 2010, 2012.
- 22-2. **TAM GIÁO VIỆT NAM – TIẾN ĐẾN TƯ TƯỞNG MỞ ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2010, 2013.
- 23-2. **ƠN GỌI MIỀN TRUNG.** Phạm Văn Liêm, 2010, 2011.
- 24-4. **HÀNH TRANG NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI.** Diệu Nguyên, 2010 [in 2 lần], 2012, 2013.
- 25-3. **CÂU CHUYỆN ĐỨC TIN.** Diệu Nguyên, 2010, 2011, 2012.
- 26-1. **NGHỆ THUẬT THUYẾT TRÌNH GIẢNG ĐẠO.** Đơn Tâm, 2010.
- 27-2. **HÀNH TRANG TIẾN BỒI CAO TRIỀU PHÁT.** Cao Bạch Liên, Huệ Khải, 2010, 2012.
- 28-2. **TRIẾT LÝ ĐẾN THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH.** Huệ Khải, 2010, 2012.
- 29-2. **DANH THẤY DANH ĐẠO.** Đơn Tâm, 2010, 2012.
- 30-2. **MỘT DÒNG BÁT NHÀ.** Huệ Khải, 2010, 2013.
- 31-2. **GIẢI MÃ TRUYỆN TÂY DU.** Huệ Khải, 2010, 2011.
- 32-1. **NGÀI MINH THIÊN – CUỘC ĐỜI VÀ ĐẠO NGHIỆP.** Đại Cơ Hườn, 2010.

- 33-2. **TINH HOA CAO ĐÀI GIÁO.** Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2010, 2012.
- 34-3. **THẤT CHÂN NHÂN QUẢ.** Lê Anh Minh dịch và chú thích, 2010 [in 2 lần], 2012.
- 35-1. **XUÂN CHUNG TÂM.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2011.
- 36-2. **ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO.** Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011, 2016.
- 37-2. **NÓI CHUYỆN CAO ĐÀI.** Đơn Tâm, 2011, 2012.
- 38-7. **KINH SÁM HỐI MINH HỌA.** Tranh 4 màu, 2011, 2012, 2014, 2015, 2016.
- 39-2. **TÌM HIỂU HAI BÀI TIÊN THIÊN KHÍ HÓA VÀ QUẾ HƯƠNG NỘI ĐIỆN.** Huệ Khải.
- 40-2. **SỬ MẠNG ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ.** Đơn Tâm, 2011, 2012.
- 41-2. **TRÊN ĐƯỜNG THIÊN LÝ.** Phạm Văn Liêm, 2011, 2013.
- 42-2. **NHIP CẦU TƯƠNG TRI.** Huệ Khải, 2011, 2013.
- 43-2. **ĐIỂM TỰA TÂM LINH.** Huệ Khải, 2011, 2012.
- 44-2. **ĐỌC LẠI THẤT CHÂN NHÂN QUẢ.** Huệ Khải, 2011, 2013.
- 45-1. **NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI LÀM QUEN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.** Huệ Khải, 2011.
- 46-1. **TIẾNG CHIM QUYẾN.** Phạm Văn Liêm (thơ), 2011.
- 47-1. **MỘT GÓC NHÌN VĂN HÓA CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2011.
- 48-2. **CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC.** Huệ Khải, 2011, 2013.
- 49-1. **KINH CÚNG TỬ THỜI.** Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011.
- 50-1. **XUÂN HÒA ĐỒNG.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2012.
- 51-3. **CUỘC ĐỜI PHẬT THÍCH CA.** Ngô Bái Thiên, tranh 4 màu, 2012 [in 2 lần], 2013.
- 52-2. **TU CỨU CỨU HUYỀN THẤT TỐ.** Huệ Khải, 2012, 2013.
- 53-1. **CẨM ĐẠO CAO ĐÀI Ở TRUNG KỶ (1928-1950).** Huệ Khải, 2012.
- 54-2. **BẮC CẦU TÂM LINH.** Huệ Khải. / 55-2. **HÒA ĐIỀU LIÊN TÔN.** Huệ Khải, 2012, 2013.
- 56-1. **ĐẠO LÝ HUYỀN CƠ.** Thiện Bảo, 2012.
- 57-1. **LƯỢC SỬ BÁT BỬU PHẬT ĐÀI.** Thiện Bảo, 2012.
- 58-2. **CAO ĐÀI KHÁI YẾU.** Đạt Đức, 2013, 2015.
- 59-1. **QUAN THÁNH XƯA VÀ NAY.** Huệ Khải, 2013.
- 60-1. **MỤC ĐÍCH & ĐƯỜNG LỐI CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO.** Đơn Tâm, 2013.
- 61-2. **GIỌT NGỌC KIM BÀN.** Thanh Căn, 2013, 2014.
- 62-1. **CUỘC ĐỜI ĐỨC KHỔNG TỬ.** Huệ Khải, Lê Anh Minh (truyện tranh), 2013.
- 63-1. **CÔNG GIÁO & CAO ĐÀI HỘI NGỘ PHỤC SINH.** Nhiều người viết, 2013.
- 64-1. **ĐẠI ĐẠO VÀ TÔN GIÁO.** Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2013.
- 65-1. **BÁT QUÁI ĐỒ THIÊN XƯA VÀ NAY.** Nhiều người viết, 2013.
- 66-1. **THƠ NGƯỜI ÁO TRẮNG.** Nhiều người viết, 2013.
- 67-2. **ƠN CỨU ĐỘ.** Diệu Nguyên, 2013, 2016. / 68-1. **TRUNG DU HÀNH ĐẠO.** 2013.
- 69-1. **DƯỚI MÁI ĐẠO VIỆN.** Huệ Khải, 2013.

- 70-1. **CÔNG GIÁO & CAO ĐÀI HỘI NGỘ GIÁNG SINH.** Nhiều người viết, 2013.  
 71-1. **HỒ BIỂU CHÁNH XƯA VÀ NAY.** Huệ Khải, 2014.  
 72-1. **PETRUS KÝ XƯA VÀ NAY.** Huệ Khải, 2014.  
 73-1. **TƯỜNG NHỚ NHÂN TỬ NGUYỄN VĂN THỌ.** Huệ Khải chủ biên, 2014.  
 74-1. **HÀNH TRANG ĐỨC AN TRINH THẦN NỮ.** Huệ Khải, 2014.  
 75-1. **AN THUẬN QUẢ DUYÊN.** Diệu Nguyên, 2014.  
 76-1. **TRỜI CHẴNG XA NGƯỜI.** Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2014.  
 77-1. **THIÊN BÀN TẠI NHÀ.** Huệ Khải, 2014.  
 78-1. **SƠ KHẢO BÀI KINH NGỌC HOÀNG TÂM ẨN.** Lê Anh Minh, 2014.  
 79-1. **NGŨ GIỚI CẤM XƯA VÀ NAY.** Huệ Khải, 2014.  
 80-1. **VẠN HẠNH THIÊN SƯ XƯA VÀ NAY.** Huệ Khải kết tập, 2014.  
 81-1. **THIÊN ĐÀNG ĐỊA NGỤC HAI BÊN.** Diệu Nguyên, 2014.  
 82-1. **TÌM HIỂU NGŨ CHI ĐẠI ĐẠO.** Thanh Căn, 2014.  
 83-1. **TỰ THẤP ĐUỐC MÀ ĐI.** Thiện Quang, 2014.  
 84-1. **NẾO VỀ TÂM LINH.** Huệ Khải, 2014.  
 85-1. **GIA ĐÌNH TRONG TÂN LUẬT CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2014.  
 86-1. **MẤY NHÁNH RỐI SAU CÙNG MỘT NHÀ.** Phạm Văn Liêm, 2014.  
 87-1. **NGỌN NÉN NÀO KHÔNG TẮT.** Huệ Khải, 2015.  
 88-1. **MINH GIÁO THÁNH TRUYỀN.** Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên, 2015.  
 89-1. **ĐẠO CAO ĐÀI TRONG ĐỜI SỐNG CÔNG CHÚNG.** Thiện Quang, Huệ Khải, 2015.  
 90-1. **MINH THIỆN CHƠN KINH.** Thánh tịnh Ngọc Linh, 2015.  
 91-1. **LỊCH SỬ THÁNH THẮT CAO ĐÀI THỦ ĐỘ HÀ NỘI.** Huệ Khải, 2015.  
 92-1. **HỒNG AN TẬN ĐỘ.** Phạm Văn Liêm, 2016  
 (...) 94-1. **LƯỢC SỬ ĐẠO CAO ĐÀI: KHAI MINH ĐẠI ĐẠO 1926.** Huệ Khải, 2015.  
 96-1. **ĐỐI THOẠI LIÊN TÔN GIÁO TỪ GÓC NHÌN MỘT TÍN HỮU CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2015.  
 97-1. **GỬI NGƯỜI ÁO TRẮNG.** Trần Dã Sơn (thơ), 2015.  
 98-1. **GIỮA CHỐN TA BÀ.** Huỳnh Văn Mười (thơ), 2015.  
 99-1. **TRONG THỜI ĐẠI CHÚNG TA VỚI TÂM TÌNH MỘT TÍN HỮU CAO ĐÀI** (song ngữ Việt-Anh). Huệ Khải, 2016.  
 100-1. **ĐÔI ĐIỀU VỀ BÌNH GIẢNG THÁNH GIÁO.** Huệ Khải, 2016.  
 \* **ĐẠI ĐẠO VĂN UYẾN 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7-8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15-16, 17.** Hiệp tuyển thơ văn đạo lý, 2012, 2013, 2014, 2015. (Phát hành mỗi quý.)  
**Ghi chú:** 100-1 tức là quyển 100, in lần thứ nhất. 38-7 tức là quyển 38, in lần thứ bảy.

**ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ**  
**CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO**

**HUỆ KHẢI**  
**ĐÔI ĐIỀU VỀ BÌNH GIẢNG THÁNH GIÁO**

**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO**

53 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

☎ (04) 37822845 – Fax: (04) 37822841

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

*Chịu trách nhiệm xuất bản*

*Giám đốc - Tổng biên tập*

**Nguyễn Công Oánh**

*Biên tập: Lê Hồng Sơn*

*Vẽ bìa: Lê Anh Huy, Lê Anh Thư - Trình bày: Dũ Lan*

*Bìa 4: Huệ Khải Văn Tập, thư pháp Trương Lộ*

*Sửa bản in: Lê Anh Minh*

*Đơn vị liên kết: Ông Lê Anh Dũng*

In ba ngàn bản, khổ 14,5x20,5cm, tại XN In FAHASA  
 774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.

☎ (08) 38153971 – Fax: (08) 38153297

Số đăng ký xuất bản **785-2016/CXBIPH/09-55/TG.**

Mã số **ISBN: 978-604-61-3556-2.**

Quyết định xuất bản số **200/QĐ-NXBTG**, ngày 04-4-2016.

In xong và nộp lưu chiểu quý Hai năm 2016.

**SÁCH ẤN TỔNG. KHÔNG BÁN.**

*Phát hành: MINH QUANG Trần Văn Quang*

59/79 Trần Phú, phường 4, quận 5, TpHCM. ☎ 0913613653